SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO AN GIANG

**THPT NGUYỄN BỈNH KHIÊM**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**(Điều chỉnh sau góp ý của Đoàn ĐGN)**

**AN GIANG - NĂM 2021**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO AN GIANG

**THPT NGUYỄN BỈNH KHIÊM**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh,**  **chức vụ** | **Nhiệm vụ** | **Chữ ký** |
| 1 | Ngô Thị Kiều Huệ | Hiệu trưởng, chủ tịch hội đồng, trưởng nhóm | Nhóm trưởng |  |
| 2 | Võ Việt Dũng | Phó Hiệu trưởng, phó chủ tịch hội đồng, trưởng nhóm | Nhóm trưởng |  |
| 3 | Lâm Thị Thanh Tâm | Giáo viên bộ môn Hóa, thư ký | Thư ký |  |
| 4 | Trương Sơn | Phó Hiệu trưởng, trưởng nhóm | Nhóm trưởng |  |
| 5 | Lâm Mộc Tùng | Phó Hiệu trưởng, trưởng nhóm | Nhóm trưởng |  |
| 6 | Phạm Nam Điền | Bí thư Đoàn thanh niên | Thành viên |  |
| 7 | Mai Thị Thùy Trinh | Tổ trưởng tổ Văn phòng | Thành viên |  |
| 8 | Huỳnh Thanh Hòa | Chủ tịch Công đoàn | Thành viên |  |
| 9 | Lê Thị Diễm Thương | Nhân viên Văn thư | Thành viên |  |
| 10 | Ngô Văn Pháp | Nhân viên thiết bị | Thành viên |  |

[[1]](#footnote-1)**MỤ****C LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| NỘI DUNG | Trang |
| Mục lục | 3 |
| Danh mục các chữ viết tắt (nếu có) | 5 |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá | 6 |
| Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU | 9 |
| Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ | 14 |
| A. ĐẶT VẤN ĐỀ | 14 |
| B. TỰ ĐÁNH GIÁ | 17 |
| **I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3** | 17 |
| Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường. | 17 |
| *Mở đầu* | 17 |
| Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. | 17 |
| Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác. | 19 |
| Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường. | 21 |
| Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng. | 24 |
| Tiêu chí 1.5: Lớp học. | 26 |
| Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản. | 27 |
| Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên. | 30 |
| Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục. | 32 |
| Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở. | 34 |
| Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. | 36 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 1* | 38 |
| Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh. | 39 |
| *Mở đầu* | 39 |
| Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng. | 39 |
| Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên. | 41 |
| Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên. | 43 |
| Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh. | 45 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 2* | 47 |
| Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học. | 48 |
| *Mở đầu* | 48 |
| Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập. | 48 |
| Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập. | 50 |
| Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị. | 51 |
| Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước. | 53 |
| Tiêu chí 3.5: Thiết bị. | 54 |
| Tiêu chí 3.6: Thư viện. | 56 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 3* | 58 |
| Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội. | 59 |
| *Mở đầu* | 59 |
| Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh. | 59 |
| Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường. | 61 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 4* | 63 |
| Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục. | 64 |
| *Mở đầu* | 64 |
| Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông. | 64 |
| Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. | 67 |
| Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định. | 699 |
| Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp. | 71 |
| Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh. | 72 |
| Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục. | 74 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 5* | 78 |
| **II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4** | 78 |
| Tiêu chí 1 | 78 |
| Tiêu chí 2 | 79 |
| Tiêu chí 3 | 80 |
| Tiêu chí 4 | 81 |
| Tiêu chí 5 | 81 |
| Tiêu chí 6 | 82 |
| *Kết luận* | 83 |
| Phần III. KẾT LUẬN CHUNG | 84 |
| Phần IV. PHỤ LỤC |  |

# **DANH MỤ****C CHỮ VIẾT TẮT**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chữ viết tắt** | **Nội dung** |
| ATGT | An toàn giao thông |
| BCH | Ban chấp hành |
| CB | Cán bộ |
| CBQL | Cán bộ quản lý |
| CMHS | Cha mẹ học sinh |
| CNTT | Công nghệ thông tin |
| CSVC | Cơ sở vật chất |
| ĐDDH | Đồ dùng dạy học |
| GDĐT | Giáo dục đào tạo |
| GV | Giáo viên |
| GVCN | Giáo viên chủ nhiệm |
| HS | Học sinh |
| HSG | Học sinh giỏi |
| KT-XH | Kinh tế xã hội |
| KHKT | Khoa học kỹ thuật |
| NV | Nhân viên |
| PTTH | Phổ thông trung học |
| SKKN | Sáng kiến kinh nghiệm |
| TDTT | Thể dục thể thao |
| THPT | Trung học phổ thông |
| UBND | Uỷ ban nhân dân |

# **TỔNG HỢP KẾ****T QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

**1. Kết quả đánh giá**

**1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3**

| **Tiêu chuẩn,**  **tiêu chí** | **Kết quả** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Không đạt** | **Đạt** | | |
| **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| **Tiêu chuẩn 1** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 1.1 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.2 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.3 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.4 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.5 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.6 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.7 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.8 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.9 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.10 |  | X | X |  |
| **Tiêu chuẩn 2** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 2.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 2.2 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 2.3 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 2.4 |  | X | X | X |
| **Tiêu chuẩn 3** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 3.1 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 3.2 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 3.3 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 3.4 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 3.5 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 3.6 |  | X | X |  |
| **Tiêu chuẩn 4** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 4.1 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 4.2 |  | X | X | X |
| **Tiêu chuẩn 5** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 5.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 5.2 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 5.3 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 5.4 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 5.5 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 5.6 |  | X | X |  |

**Kết quả:** Đạt mức 2

**1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4**

| **Tiêu chí** | **Kết quả** | | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đạt** | **Không đạt** |
| Khoản 01 |  | X |  |
| Khoản 02 |  | X |  |
| Khoản 03 | X |  |  |
| Khoản 04 |  | X |  |
| Khoản 05 |  | X |  |
| Khoản 06 | X |  |  |

**Kết quả:** Không đạt

**2. Kết luận: Đạt mức 2**

# **Phần I**

# **CƠ** **SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường: THPT NGUYỄN BỈNH KHIÊM

Tên trước đây: THPT NGUYỄN BỈNH KHIÊM

Cơ quan chủ quản: SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO AN GIANG

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương | Tỉnh An Giang |  | Họ và tên  hiệu trưởng | Ngô Thị Kiều Huệ |
| Huyện/quận /thị xã / thành phố | Châu Thành |  | Điện thoại | 02963 836231 |
| Xã / phường/thị trấn | Ấp Hòa Long 3, thị trấn An Châu |  | Fax |  |
| Đạt CQG |  |  | Website | http://thpt-nguyenbinhkhiem-angiang.edu.vn/ |
| Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập) | 01/09/1995 |  | Số điểm trường | 01 |
| Công lập | x |  | Loại hình khác |  |
| Tư thục |  |  | Thuộc vùng khó khăn |  |
| Trường chuyên biệt |  |  | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn |  |
| Trường liên kết với nước ngoài |  |  |  |  |

**1. Số lớp học**

| **Số lớp học** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khối lớp 10 | 15 | 15 | 15 | 14 | 15 |
| Khối lớp 11 | 15 | 15 | 15 | 14 | 14 |
| Khối lớp 12 | 14 | 15 | 15 | 15 | 14 |
| **Cộng** | **44** | **45** | **45** | **43** | **43** |

**2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường**

| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập | 45 | 45 | 45 | 45 | 45 |  |
| 1 | Phòng học | 38 | 38 | 38 | 38 | 37 |  |
| a | Phòng kiên cố | 38 | 38 | 38 | 38 | 37 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 2 | Phòng học bộ môn | 6 | 6 | 6 | 6 | 7 |  |
| a | Phòng kiên cố | 6 | 6 | 6 | 6 | 7 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Khối phục vụ học tập | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |
| a | Phòng kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **II** | Khối phòng hành chính - quản trị | 9 | 9 | 9 | 8 | 8 |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 9 | 9 | 9 | 8 | 8 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **III** | Thư viện | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |
| **IV** | Các công trình, khối phòng chức năng khác | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
|  | **Cộng** | **55** | **55** | **55** | **54** | **54** |  |

**3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá:

|  | **Tổng số** | **Nữ** | **Dân tộc** | **Trình độ đào tạo** | | | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Chưa đạt chuẩn | Đạt chuẩn | Trên chuẩn |
| Hiệu trưởng | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 |  |
| Phó hiệu trưởng | 3 | 0 | 0 | 0 | 2 | 1 |  |
| Giáo viên | 97 | 61 | 2 | 0 | 85 | 12 |  |
| Nhân viên | 11 | 8 | 0 | 0 | 11 | 0 |  |
| **Cộng** | **112** | **70** | **2** | **0** | **98** | **14** |  |

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tổng số giáo viên | 103 | 102 | 104 | 99 | 97 |
| 2 | Tỷ lệ giáo viên/ lớp | 2,34 | 2,27 | 2,31 | 2,3 | 2,3 |
| 3 | Tỷ lệ giáo viên/ học sinh | 0,07 | 0,06 | 0,06 | 0,06 | 0,06 |
| 4 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có) | 33 | 41 | 35 | 53 | 58 |
| 5 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có) | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 |

**4. Học sinh**

a) Số liệu chung

| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tổng số học sinh | 1587 | 1681 | 1679 | 1702 | 1716 |  |
| *- Nữ* | 897 | 933 | 961 | 980 | 1009 |  |
| *- Dân tộc thiểu số* | 1 | 3 | 2 | 3 | 1 |  |
| *- Khối lớp 10* | 579 | 600 | 565 | 591 | 622 |  |
| *- Khối lớp 11* | 537 | 563 | 567 | 553 | 553 |  |
| *- Khối lớp 12* | 471 | 518 | 547 | 558 | 541 |  |
| 2 | Tổng số tuyển mới | 585 | 599 | 576 | 580 | 644 |  |
| 3 | Học 2 buổi/ ngày | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 4 | Bán trú | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 5 | Nội trú | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 6 | Bình quân số học sinh/ lớp | 36,07 | 37,36 | 37,31 | 39,58 | 39,91 |  |
| 7 | Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi | 1587 | 1681 | 1679 | 1702 | 1716 |  |
| *- Nữ* | 897 | 933 | 961 | 980 | 1009 |  |
| *- Dân tộc thiểu số* | 1 | 3 | 2 | 3 | 1 |  |
| 8 | Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/ tỉnh(nếu có) | 0 | 24 | 29 | 19 | 14 |  |
| 9 | Tổng số học sinh giỏi quốc gia(nếu có) | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 |  |
| 10 | Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách | 76 | 125 | 115 | 84 | 87 |  |
| *- Nữ* | 51 | 83 | 76 | 59 | 57 |  |
| *- Dân tộc thiểu số* | 1 | 2 | 1 | 2 | 1 |  |
| 11 | Tổng số học sinh(trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 12 | Các số liệu khác (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |

b) Kết quả giáo dục (đối với trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học)

| **Số liệu** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi | 31,73 | 30,69 | 35,26 | 33,79 | 41,23 |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại khá | 39,66 | 45,24 | 46,87 | 44,02 | 42,6 |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu kém | 2,15 | 0,97 | 0,24 | 0,72 | 0,82 |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt | 94,83 | 94,54 | 95,83 | 94,47 | 97,38 |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá | 4,64 | 4,97 | 3,39 | 4,75 | 2,04 |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình | 0,39 | 0,42 | 0,42 | 0,42 | 0,35 |  |

# **Phần** **II**

# **TỰ ĐÁNH GIÁ**

## **A. ĐẶT VẤ****N ĐỀ**

**1. Tình hình chung của nhà trường**

Trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm với tên ban đầu là trường PTTH Châu Thành được thành lập vào 15/8/1983, gồm 2 phân hiệu: ở Cần Đăng và Quản Cơ Thành. Đến năm học 1985-1986 nhập lại thành một điểm tại vị trí như hiện nay - cặp quốc lộ 91, ấp Hòa Long 3, thị trấn An châu, huyện Châu thành, tỉnh An Giang.

Năm 1991 có sáp nhập Cấp 2 An Châu vào. Đến năm học 1995-1996 đổi tên thành trường Trung học Nguyễn Bỉnh Khiêm theo quyết định số 734/QĐ.UB.TC, ngày 30/8/1995 của UBND tỉnh An Giang. Sang năm học 2000-2001 lại đổi tên thành trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm theo quyết định số 2612/QĐ-UB-TC, ngày 28/12/2000 và tách Cấp 2 An Châu ra. Vào năm học 2008-2009 theo quyết định số 1423/QĐ-UBND, ngày 22/7/2008 của UBND Tỉnh sáp nhập trường THPT bán công Tiến Đức vào.

Nhà trường đã trải qua 6 thời kỳ lãnh đạo của Hiệu trưởng. Hiệu trưởng hiện nay là Cô Ngô Thị Kiều Huệ, nhận nhiệm vụ từ ngày 01/12/2017.

Trong suốt thời gian qua, nhà trường đã có bước phát triển mạnh mẽ về nhiều mặt. Cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị phục vụ dạy học được tăng cường. Đội ngũ Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (CBQL, GV, NV) đảm bảo số lượng và cơ cấu. Tổ chức và hoạt động luôn được quan tâm đổi mới, đã tạo sự chuyển biến đáng kể về chất lượng và hiệu quả giáo dục.

Năm học 2019 - 2020, trường có 112 CB, GV, NV. Trong đó: CBQL 04; GV 97; NV 11. Trường biên chế thành 12 tổ trong đó có 01 tổ văn phòng và 11 tổ chuyên môn. Đảng bộ nhà trường có 60 đảng viên sinh hoạt ở 03 chi bộ; Công đoàn cơ sở có 114 đoàn viên. Đội ngũ GV đủ về số lượng, cơ cấu cho tất cả các môn học; 100% đạt chuẩn, trong đó có 14 thạc sĩ. Hầu hết GV nhiệt tình, nhạy bén với những đổi mới của ngành, có nhiều kinh nghiệm giảng dạy và giáo dục toàn diện HS. Nhà trường có đủ các khối lớp, mỗi lớp không quá 45 HS; trường có 43 lớp với 1716 HS.

CSVC của nhà trường tương đối đầy đủ với khu hiệu bộ có bố trí phòng làm việc của CBQL, văn phòng, phòng y tế, phòng họp nội bộ, phòng GV. Khu chức năng gồm các phòng thực hành Lý, Hóa, Sinh, phòng Lab - Tiếng Anh và Tin học; Thư viện rộng rãi, thoáng mát có phòng đọc dành riêng cho GV và HS. Có 2 cơ sở với 37 phòng học kiên cố được trang bị 08 Smart Tivi phục vụ tốt cho hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong dạy và học. Có 06 nhà vệ sinh, 05 nhà vệ sinh HS; 01 nhà vệ sinh GV. Trường có cảnh quan sư phạm xanh – sạch – đẹp, sân trường rộng rãi, có 01 sân bóng đá mini và 01 sân bóng chuyền tạo sân chơi cho HS tập thể dục thể thao (TDTT).

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2017 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2025 nhằm xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho Hội đồng trường, Ban lãnh đạo và tập thể công chức, viên chức, HS đưa ra những quyết định đúng đắn để phát triển nhà trường. Xây dựng và triển khai kế hoạch chiến lược của trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm là hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện Nghị quyết của Đảng, chương trình hành động của Chính phủ về đổi mới giáo dục phổ thông, cùng với các trường THPT trong tỉnh xây dựng ngành GDĐT An Giang phát triển theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) của đất nước, hội nhập với các nước trong khu vực. Mục tiêu chiến lược của nhà trường là xây dựng nhà trường đoàn kết, thân thiện, có kỷ cương, nề nếp, có uy tín về chất lượng giáo dục, có mô hình giáo dục tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước.

**2. Mục đích TĐG**

Nhà trường xác định mục đích của việc tự đánh giá là để đơn vị tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu đối với các hoạt động giáo dục từ đó xây dựng các biện pháp nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ GDĐT ban hành.

Hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục còn giúp cho CBQL, GV, NV hiểu biết thêm về công tác tự đánh giá. Tự đánh giá để nhận biết kết quả lao động giáo dục của chính đơn vị minh; tự đánh giá để chất lượng giáo dục ngày một hoàn hảo. Hoạt động tự đánh giá phải được tiến hành song song với hoạt động giáo dục diễn ra hằng ngày tại đơn vị, tạo động lực cho công tác đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục phát triển tốt và bền vững trên cơ sở đảm bảo sự hài hòa giữa các lợi ích: Nhà nước, nhà trường, xã hội và người học.

**3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG**

Thực hiện Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GDĐT, ngày 22/8/2018 ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm tiến hành tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường cụ thể như sau:

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá.

2. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.

3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.

4. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

5. Viết báo cáo tự đánh giá.

6. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Hội đồng tự đánh giá của nhà trường tiến hành theo phương pháp phổ biến quy trình tự đánh giá và yêu cầu các bộ phận, cá nhân của cơ sở giáo dục phổ thông phối hợp thực hiện; xây dựng kế hoạch tự đánh giá; thu thập thông tin, minh chứng; rà soát các hoạt động giáo dục, đối chiếu, so sánh kết quả tự đánh giá với các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ GDĐT ban hành; đánh giá mức độ cơ sở giáo dục phổ thông đạt được theo từng tiêu chí; viết báo cáo tự đánh giá; tổ chức thực hiện việc duy trì cơ sở dữ liệu về chất lượng giáo dục gồm các thông tin chung, kết quả về điều tra thực trạng và các vấn đề khác nhằm hỗ trợ việc duy trì, nâng cao chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông.

Trong báo cáo tự đánh giá, nhà trường đã sử dụng bộ Tiêu chí như một công cụ để xác định rõ tầm nhìn, điểm mạnh, điểm yếu, thời cơ và thách thức để từ đó xây dựng kế hoạch, đề xuất các biện pháp cụ thể nhằm từng bước nâng cao chất lượng giáo dục, đồng thời kiến nghị với các cơ quan có trách nhiệm và thẩm quyền như lãnh đạo Phòng/Sở, chính quyền địa phương có biện pháp hỗ trợ nhà trường nâng cao chất lượng dạy và học theo chiến lược phát triển nhà trường trong giai đoạn trước mắt và lâu dài.

Trong quá trình triển khai tự đánh giá, nhà trường nhận thấy có một số tiêu chí khó thực hiện tốt vì một số nguyên nhân khách quan và phụ thuộc vào đặc điểm tình hình thực tế của đơn vị tại địa phương. Nhà trường sẽ tiếp tục có kế hoạch cải tiến trong thời gian tới.

## **B. TỰ ĐÁN****H GIÁ**

### **I. TỰ ĐÁNH GIÁ** **TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3**

**Tiêu c****huẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

**Mở đầ****u**:

Qua nhiều năm xây dựng và phát triển, trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm ngày càng lớn mạnh cả về quy mô trường lớp, số lượng GV, HS, chất lượng đào tạo,...Kết quả đó là nhờ vào việc tổ chức và quản lý trong nhà trường theo kế hoạch và tầm nhìn chiến lược, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, sự vận hành của Hội đồng trường, của các tổ chuyên môn, hoạt động nhà trường tuân thủ theo các nguyên tắc quản lý nhà nước về hành chính, tài chính, tài sản, theo hướng dẫn của ngành, đảm bảo quy chế dân chủ và an toàn an ninh trường học.

**Ti****êu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường**

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1 :

a) Kế hoạch chiến lược của nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục (Điều 27 Văn bản hợp nhất Luật giáo dục số 07/VBHN-VPQH ngày 31 tháng 12 năm 2015), định hướng phát triển KT - XH của địa phương theo từng giai đoạn. Đồng thời, Chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường rất khả thi, dựa trên các nguồn lực bên trong và bên ngoài nhà trường như nhân lực, tài lực, trí lực. [H1-1.1-01]

b) Trong thời gian 5 năm từ 2015 đến 2020, nhà trường đã xây dựng được kế hoạch Chiến lược phát triển nhà trường 2011- 2016 và Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2017 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2025, đã được Sở GDĐT An Giang ra quyết định phê duyệt số 1569/QĐ-SGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018.[H1-1.1-02];[H1-1.1-03]

c) Sau khi Kế hoạch chiến lược được phê duyệt đã được nhà trường niêm yết tại trường, thông tin đến toàn thể CB-GV-NV- HS đồng thời được đăng tải trên web trường theo địa chỉ: http://www-thpt-nguyenbinhkhiem-angiang.edu.vn

Mức 2 :

Hàng năm nhà trường đề ra các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Nhà trường có sơ kết, tổng kết để đánh giá việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển giai đoạn 2017-2020, tầm nhìn 2025. [H1-1.1-04]

Mức 3 :

Hàng năm khi xây dựng kế hoạch năm học, Hội đồng trường có dựa vào kế hoạch chiến lược để xây dựng các chỉ tiêu phấn đấu trong năm, theo đó nhà trường có rà soát, điều chỉnh chủ yếu là các số liệu về quy mô, chất lượng đội ngũ, chất lượng chuyên môn sao cho phù hợp với tình hình thực tế. [H1-1.1-05]

Tuy nhiên, nhà trường chưa có văn bản bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được Sở GDĐT phê duyệt.

**2. Điểm mạnh**

Khi xây dựng kế hoạch chiến lược, nhà trường dựa vào nguồn lực bên trong, bên ngoài và trên thực tiễn của giai đoạn trước nên đã xác định rõ phương châm, tầm nhìn và hệ giá trị của nhà trường sao cho phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, đồng thời dễ thực hiện và hiệu quả

**3. Điểm yếu**

Việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch chiến lược chỉ thể hiện trên các kế hoạch năm học hàng năm, thiếu văn bản bổ sung để được Sở GDĐT phê duyệt. Đồng thời, trong quá trình xây dựng kế hoạch chiến lược thì thiếu sự tham gia của HS, CMHS và cộng đồng.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Đầu mỗi năm học, Hội đồng trường tổ chức việc rà soát, bổ sung và điều chỉnh kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường sao cho phù hợp với tình hình thực tế và gửi văn bản về Sở GDĐT để được phê duyệt.

Bắt đầu từ năm học 2021-2022, khi xây dựng kế hoạch chiến lược hoặc tổ chức rà soát, bổ sung, điều chỉnh, Hiệu trưởng nhà trường mời đầy đủ các thành viên trong Hội đồng trường bao gồm CBQL, GV, NV, HS, CMHS và cộng đồng (chính quyền địa phương) tham gia ý kiến.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

**Tiêu chí 1****.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác**

Mức 1:

a) Được thành lập theo quy định;

b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;

c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Căn cứ Điều lệ trường trung học được quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ GDĐT, nhà trường đã thành lập Hội đồng trường nhiệm kỳ 2017- 2022 gồm 01 Chủ tịch, 01 thư ký và 11 thành viên theo Quyết định số 1600/QĐ-THPT của Giám đốc Sở GDĐT An Giang ngày 02 tháng 12 năm 2017. Ngoài ra, hàng năm nhà trường có thành lập các hội đồng như: Hội đồng thi đua, khen thưởng; Các hội đồng tư vấn như: Hội đồng khoa học chấm chọn sáng kiến kinh nghiệm và các đề tài cải tiến; Hội đồng chấm thi GV dạy giỏi; tổ tư vấn học đường. [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05].

b) Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng trường được thực hiện tại khoản 3 - Điều 20, còn các hội đồng khác thì được quy định tại Điều 21 của Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 về việc ban hành Điều lệ trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và Trung học phổ thông có nhiều cấp học.

c) Hoạt động của các hội đồng định kỳ được thực hiện rà soát, đánh giá theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ trường Trung học. [H1-1.2-06];

Mức 2:

Hoạt động của Hội đồng trường đã xây dựng được các quy chế, quy định của nhà trường nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho từng cá nhân, bộ phận trong nhà trường thực hiện và giám sát, góp phần thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng tư vấn hoạt động khách quan, công tâm, ghi nhận sự đóng góp của từng cá nhân, đánh giá chính xác năng lực của CB-GV-NV, tạo niềm tin, động lực cho tập thể. Các hội đồng hoạt động có hiệu quả và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường thể hiện qua các báo cáo sơ kết, tổng kết của nhà trường. [H1-1.2-07];

**2. Điểm mạnh**

Hội đồng trường và các hội đồng khác có đầy đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học, được điều chỉnh, bổ sung thường xuyên khi có thay đổi về nhân sự.

Hội đồng trường tổ chức họp theo qui định và căn cứ chức năng nhiệm vụ đã quyết định những vấn đề quan trọng của nhà trường trong từng năm học.

**3. Điểm yếu**

Hội đồng tư vấn nhà trường hoạt động chưa mạnh nhất là về lĩnh vực tư vấn học đường, do mới thành lập, thiếu con người có chuyên môn, hiện tại chỉ có 01 GV được tập huấn và có chứng chỉ; ngoài ra CSVC của nhà trường còn hạn chế, không có phòng để hoạt động tư vấn riêng mà đang dùng chung một góc tại Thư viện.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2020 – 2021 và những năm tiếp theo, Đảng uỷ cùng Ban lãnh đạo tiếp tục phối hợp củng cố, phát huy có hiệu quả các hoạt động của các hội đồng trong nhà trường nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Đặc biệt, quan tâm đến hội đồng tư vấn nhất là đào tạo, bồi dưỡng thêm đội ngũ làm công tác tư vấn học đường, bố trí thêm 01 người thuộc bộ phận Đoàn thanh niên dự các lớp tập huấn về tâm lý, tư vấn, giáo dục kỹ năng sống, ...do Sở GDĐT tổ chức

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

**Tiêu chí 1****.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường**

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

a) Nhà trường có các tổ chức: Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chi hội Khuyến học được cấp thẩm quyền ra quyết định thành lập, chuẩn y. [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03];

b) Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chi hội Khuyến học hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục. [H1-1.3-04]; [H1-1.3-05]; [H1-1.3-06];

c) Các tổ chức, đoàn thể hằng năm có xây dựng báo cáo tổng kết. Trong đó, có rà soát, đánh giá những việc đã làm được, chưa làm được, ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân tồn tại, đồng thời có kiến nghị, đề xuất, ý kiến tham mưu với cấp ủy, hiệu trưởng, cấp trên vì mục tiêu chung của nhà trường. [H1-1.3-08]; [H1-1.3-07]; [H1-1.3-09];

Mức 2

a) Đảng bộ Trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm có Ban chấp hành (BCH) Đảng bộ gồm 7 đồng chí, có 3 Chi bộ trực thuộc, tổng số đảng viên toàn đảng bộ là 60 người. Hoạt động của Đảng bộ tuân theo Hiến pháp, pháp luật và điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong 5 năm qua, Đảng bộ nhà trường được Huyện ủy Châu Thành công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. [H1-1.3-11]; [H1-1.3-10];

b) Các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường có nhiều đóng góp tích cực cho hoạt động của nhà trường như:

- Đảng bộ: hoạch định các chủ trương, kế hoạch, giải pháp phù hợp từng thời điểm nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ được giao. [H1-1.3-12];

- Công đoàn: chăm lo đời sống CB-GV-NV cả vật chất lẫn tinh thần; bảo trợ HS có hoàn cảnh khó khăn; thực hiện tốt công tác an sinh xã hội với địa phương. [H1-1.3-08]

- Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: xây dựng các phong trào, hoạt động vui chơi thu hút HS giúp các em trở thành những thanh niên năng động, kỷ luật, nhiệt tình, có kỹ năng và tránh được các tệ nạn xã hội. [H1-1.3-07]

- Chi hội khuyến học: thông qua các hoạt động như vận động tài trợ, giới thiệu các loại học bổng, tiếp bước đến trường, bảo trợ HS có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ phương tiện giao thông mà đã có tác động mạnh mẽ đến việc giảm thiểu tỷ lệ HS bỏ học hàng năm. [H1-1.2-07];

Mức 3:

a) Trong 5 năm liên tiếp, Đảng bộ Trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm có 3 năm 2015, 2016, 2017 được công nhận "Trong sạch vững mạnh"; năm 2018 và 2019 được công nhận "Hoàn thành tốt nhiệm vụ". [H1-1.3-11]

b) Các đoàn thể, tổ chức khác trong nhà trường ngoài những đóng góp tích cực cho các thành tích của nhà trường còn quan tâm đóng góp có hiệu quả cho cộng đồng như:

- Công đoàn: năm 2015 được Bằng khen của Công đoàn giáo dục Việt Nam; năm 2016: được Bằng khen của Tổng LĐLĐ Việt Nam; năm 2017: nhận Cờ thi đua của Tổng LĐLĐ Việt Nam; năm 2018 được công nhận CĐCS vững mạnh; năm 2019 tiếp tục được công nhận CĐCS xuất sắc. [H1-1.3-14];

Hàng năm, Công đoàn thực hiện tốt công tác vận động CB-GV-NV tham gia ủng hộ quỹ an sinh xã hội, mỗi người 365.000 đồng/năm, nộp về cơ quan Mặt trận Tổ quốc huyện Châu Thành, số tiền này chủ yếu chăm lo cho người nghèo trong huyện; vận động CB-GV-NV tham gia hiến máu nhân đạo.[H1-1.3-15]; [H1-1.3-16];

- Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: được Tỉnh đoàn, Trung ương đoàn trao nhiều Bằng khen về thành tích hoàn thành xuất sắc công tác đoàn và phong trào thanh niên trường học. [H1-1.3-13];

Hàng năm, Đoàn thanh niên vận động đoàn viên, thanh niên, học sinh tặng lồng đèn cho thiếu nhi nghèo trong huyện thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn vui tết trung thu; tham gia thắp nến tri ân tại Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh nhân kỷ niệm Ngày Thương binh liệt sĩ 27/7; ủng hộ đồng bào bị lũ lụt,...[H1-1.3-17];

- Chi hội Khuyến học: hoạt động hiệu quả mang lại nhiều điều kiện thuận lợi cho HS, kịp thời giúp đỡ HS có hoàn cảnh khó khăn, tuy nhiên chưa được Sở GDĐT An Giang và Hội khuyến học các cấp khen thưởng.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ các tổ chức và đoàn thể, mỗi tổ chức, đoàn thể đều có quy chế hoạt động và có những đóng góp hiệu quả cho thành tích của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Chi hội Khuyến học tuy có nhiều đóng góp cho hoạt động của nhà trường nhưng chưa có thành tích đáng kể cấp trên ghi nhận.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2020 – 2021 và những năm tiếp theo, Đảng uỷ phát huy tốt hơn nữa vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp Công đoàn, Đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động sáng tạo hơn, quan tâm đến quyền và lợi ích của CB, GV, NV và HS nhằm mang lại nhiều đóng góp hiệu quả cho hoạt động của nhà trường và cộng đồng. Riêng Chi hội Khuyến học tiếp tục củng cố nhân sự, xây dựng kế hoạch hoạt động, quan tâm cả 2 lĩnh vực khuyến học và khuyến tài, cố gắng có thành tích để được cấp trên khen thưởng.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3.

**Ti****êu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng**

Mức 1:

a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;

b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;

c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

a) Năm học 2019-2020, nhà trường có 43 lớp nên số lượng Ban lãnh đạo có 01 Hiệu trưởng, 03 Phó hiệu trưởng, theo quy định tại Điều 18 của Điều lệ trường trung học, được Giám đốc Sở GDĐT An Giang ra quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại. [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02];

b) Nhà trường có 11 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Cơ cấu tổ chức tổ chuyên môn, tổ văn phòng đúng theo quy định tại Điều 16, Điều 17 của Điều lệ trường trung học. Hằng năm, Hiệu trưởng ra quyết định bổ nhiệm tổ trưởng chuyên môn, tổ phó chuyên môn và tổ trưởng tổ văn phòng theo quy định. [H1-1.4-03];

c) Các tổ chuyên môn có kế hoạch hoạt động rõ ràng, các tổ sinh hoạt 02 lần/tháng về hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ và các hoạt động giáo dục khác, theo bố trí của trường. Tổ văn phòng có kế hoạch công tác rõ ràng, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. [H1-1.4-04]; [H1-1.4-05];

Mức 2:

a) Tất cả các tổ chuyên môn đều có kế hoạch thực hiện các chuyên đề chuyên môn, có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, ít nhất 1 chuyên đề/năm. [H1-1.4-06];

b) Theo định kỳ họp tổ, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng có rà soát, đánh giá, điều chỉnh các biện pháp thực hiện nhiệm vụ được giao và các biện pháp tăng cường đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá. [H1-1.4-07]; [H1-1.4-08];

Mức 3:

a) Trong nhiều năm qua, hoạt động của các tổ chuyên môn có nhiều đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường như có học sinh giỏi cấp tỉnh các bộ môn, có GV đạt giải cấp tỉnh về đề tài sáng kiến kinh nghiệm (SKKN), đồ dùng dạy học (ĐDDH). Hằng năm, các tổ bộ môn được Sở GDĐT An Giang khen tặng giấy khen tập thể LĐTT. Hoạt động của tổ văn phòng góp phần phục vụ kịp thời cho các hoạt động giảng dạy tại trường nhưng còn hạn chế về thành tích. [H1-1.4-11]; [H1-1.4-09]; [H1-1.4-10];

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. [H1-1.4-06]

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có cơ cấu tổ chức bộ máy đúng quy định của Điều lệ trường trung học, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

**3. Điểm yếu**

So với các tổ bộ môn thì tổ văn phòng còn hạn chế về thành tích của các phong trào, hội thi do ngành tổ chức nên chưa được công nhận tập thể Lao động tiên tiến.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2020 – 2021 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng tạo điều kiện thuận lợi về môi trường làm việc, quyền lợi, khen thưởng đối với các cá nhân tham gia phong trào, hội thi do ngành tổ chức để tất cả các tổ bộ môn, tổ văn phòng đều có cơ hội đạt thành tích cao. Riêng tổ văn phòng, Hiệu trưởng sâu sát hơn trong gợi ý chủ đề, hướng dẫn NV văn phòng viết SKKN, nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng hoặc sáng tạo các quy trình cải cách thủ tục hành chính,.... để có điều kiện nâng cao thành tích cho tổ.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3.

**Tiêu** **chí 1.5: Lớp học**

Mức 1:

a) Có đủ các lớp của cấp học;

b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sỹ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Năm học 2019 - 2020, nhà trường có đủ các lớp của cấp học, cụ thể: Khối 10 có 15 lớp, khối 11: có 14 lớp, khối 12 có 14 lớp.[H1-1.5-01]

b) HS được tổ chức theo lớp, trung bình có 39,9 HS/lớp. Mỗi lớp được chia thành 6 tổ, trung bình mỗi tổ có từ 6 đến 7 HS. Cơ cấu tổ chức của lớp có 01 lớp trưởng, 02 lớp phó và 6 tổ trưởng được tập thể lớp bầu ra vào đầu năm học. [H1-1.5-02]

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. [H1-1.5-02]

Mức 2:

Năm học 2019 - 2020, nhà trường có 43 lớp, số HS các lớp dao động từ 39 đến 43, đúng theo quy định tại điểm b, khoản 2-Điều 15 của Điều lệ trường Trung học.[H1-1.5-03]

Mức 3:

Nhà trường có 43 lớp nhưng sỹ số HS ở hầu hết các lớp khối 10, 11 đều trên 40 em.[H1-1.5-01]

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ các lớp của cấp học, số lớp, số HS trên lớp, biên chế, tổ chức, cơ cấu HS trong lớp đúng quy định của Điều lệ trường trung học.

**3. Điểm yếu**

Số HS trên lớp không đều nhau, vẫn còn tình trạng sĩ số HS trên lớp đông (trên 40 em), nhất là ở khối 10, 11.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2020-2021, Hiệu trưởng nhà trường tiếp tục căn cứ vào Điều lệ trường trung học để thực hiện biên chế, tổ chức số lớp học của cấp học không quá 45 lớp; Đồng thời, tham mưu với lãnh đạo Sở GDĐT tăng số lớp ở khối 10, 11 để có thể điều chỉnh giảm sĩ số HS trên lớp không quá 40 em.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

**Tiêu c****hí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản**

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ về quản lý hành chính, tài chính, tài sản. Hồ sơ, chứng từ được lưu trữ đầy đủ theo quy định, được cập nhật đầy đủ, khoa học.[H1-1.6-01];[H1-1.6-02]

b) Hàng năm, đơn vị có xây dựng dự toán ngân sách nhà nước, sau khi có quyết định giao dự toán của cấp trên, đơn vị thực hiện công khai dự toán, đồng thời, thực hiện thu chi, quyết toán, báo cáo tài chính, tài sản đúng quy định; Định kỳ thực hiện tự kiểm tra tài chính, tài sản, 2 lần/năm (vào tháng 01 và tháng 9); Có xây dựng qui chế chi tiêu nội bộ và được bổ sung cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các qui định hiện hành.[H1-1.6-03];[H1-1.6-04];[H1-1.6-05];[H1-1.6-06];[H1-1.6-07]

c) Quản lý sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt đông giáo dục. [H1-1.6-08]

Mức 2:

a) Ứng dụng CNTT hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. [H1-1.6-09]

b) Trong 5 năm liên tiếp không có vi phạm liên quan đến quản lý hành chính, tài chính và tài sản.[H1-1.6-08]

Mức 3:

Nhà trường có kế hoạch trung hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường thông qua Đề án căn tin-nhà xe; Kế hoạch Dạy thêm-học thêm do trường tổ chức. Nguồn tài chính hợp pháp dùng hỗ trợ ngân sách, tu sửa cơ sở vật chất. [H1-1.6-10]; [H1-1.6-11];

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý và sử dụng các nguồn lực tài chính. Có lưu trữ các văn bản chỉ đạo tài chính của các cấp. Hệ thống hồ sơ, chứng từ được lưu giữ đầy đủ, khoa học, đảm bảo an toàn.

Nhà trường hàng năm đã tiến hành xây dựng dự toán kinh phí đảm bảo hợp lý, đúng quy định và sát với yêu cầu thực tế.

Nhà trường luôn thực hiện đúng và sử dụng có hiệu quả các nguồn kinh phí trong và ngoài ngân sách đảm bảo phục vụ tốt nhất cho các hoạt động giáo dục, thực hiện đúng Luật ngân sách Nhà nước.

Nhà trường đã ứng dụng có hiệu quả CNTT trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Hệ thống văn bản, hướng dẫn thường xuyên thay đổi làm ảnh hưởng đến công tác quản lý và sử dụng tài chính của trường; ảnh hưởng đến công tác cập nhật và lưu trữ các hồ sơ quản lý tài chính.

Trường có kế hoạch trung hạn tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, nhưng chưa khai thác hết nguồn lực đó.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Bắt đầu từ năm học 2020-2021, trường tiếp tục xây dựng qui chế chi tiêu nội bộ hàng năm, có xem xét bổ sung và điều chỉnh qui chế cho phù hợp với thực tế, nguồn tài chính và điều kiện của nhà trường

Tiếp tục quan tâm cập nhật các văn bản mới về công tác quản lý tài chính, tài sản.

Tiếp tục xây dựng và thực hiện các Đề án căn tin-nhà xe và Kế hoạch Dạy thêm-học thêm, đồng thời tăng cường công tác quản lý, giám sát.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3.

**Tiêu** **chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên**

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hàng năm, nhà trường có xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho CBQL, GV, NV, cụ thể là công tác bồi dưỡng thường xuyên và tham gia đầy đủ các lớp tập huấn do Sở GDĐT tổ chức.[H1-1.7-01]

b) Hàng năm, tùy theo tình hình thực tế nhà trường có phân công, sử dụng CBQL, GV, NV rõ ràng, hợp lý. Trong Ban lãnh đạo luôn có sự phân công rõ ràng về nhiệm vụ và quyền hạn của từng cá nhân phụ trách, cụ thể là 01 Hiệu trưởng phụ trách chung, 01 Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn, 01 Phó hiệu trưởng phụ trách công tác ngoài giờ và 01 Phó hiệu trưởng phụ trách CSVC. Hằng năm, nhà trường đều có quyết định phân công tổ trưởng, tổ phó các tổ chuyên môn và tổ văn phòng. Bảng phân công nhiệm vụ cụ thể của GV, NV được công bố tại cuộc họp đầu năm của Hội đồng trường và được niêm yết công khai. Việc phân công này luôn đảm bảo cho các hoạt động của nhà trường được tiến hành hiệu quả.[H1-1.7-02]

Tuy nhiên, vẫn còn một số trường hợp phát sinh dư thêm giờ buổi, do các yếu tố khách quan: GV đi học, nghỉ bệnh, nghỉ hộ sản.

c) CBQL, GV và NV luôn được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 32 của Điều lệ trường Trung học và các văn bản hiện hành.[H1-1.7-03]

Mức 2

Trong các kế hoạch năm học, nhà trường đều có xác định mục tiêu và biện pháp đẩy mạnh công tác phát triển đội ngũ CBQL, GV, cụ thể quan tâm xây dựng đội ngũ cốt cán, đội ngũ kế cận dự nguồn, nhất là lực lượng nữ để nâng cao chất lượng dạy học và quản lý; chú ý bổ sung dự nguồn sau đại học, khuyến khích mọi người tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao tay nghề, chuyên môn, nghiệp vụ của chính mình; đẩy mạnh phong trào thi đua, tự học, tự bồi dưỡng, thực hiện tốt công tác bồi dưỡng thường xuyên, thao giảng chuyên đề, tham gia học tập nâng chuẩn.[H1-1.7-04];[H1-1.7-05];[H1-1.1-05][H1-1.7-06]

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường xây dựng kế hoạch với các giải pháp phù hợp thực tiễn, phát huy được tính năng động, sáng tạo của CB, GV, NV; ứng dụng hiệu quả các phần mềm tin học trong công tác quản lý CB, GV, NV.

Phân công, sử dụng CBQL, GV, NV rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường, hạn chế thừa giờ nhiều.

Quyền lợi của GV được bảo đảm theo quy định.

Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng luôn nỗ lực thi đua xây dựng tổ tiên tiến.

**3. Điểm yếu**

Số lượng GV ở một số bộ môn thừa thiếu cục bộ (môn Hóa thừa 2 GV, môn Văn thiếu 2 GV, môn Địa thiếu 1 GV,..)

Công tác kiểm tra, giám sát hoạt động các tổ bộ môn còn hạn chế.

Công tác tập huấn lại tại trường của các tổ bộ môn các chuyên đề về chuyên môn, ứng dụng CNTT, giáo dục đạo đức HS,... chưa đồng bộ do các yếu tố khách quan như: thiếu trang thiết bị (SmartTV), trình độ ứng dụng CNTT, sắp xếp thời gian của GV còn hạn chế.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Xây dựng biên chế hợp lí để giảm bớt thừa và thiếu giờ cục bộ: sắp xếp hợp lí trong việc cử GV đi học lần lượt, phân công dạy thay hợp lí.

Từ năm học 2020-2021, các Phó hiệu trưởng tăng cường việc kiểm tra, giám sát, dự họp tổ chuyên môn, dự giờ, thăm lớp nhằm nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ chuyên môn và nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho GV.

Từ năm học 2020-2021, Hiệu trưởng tăng cường kiểm tra việc tổ chức tập huấn tại trường các chuyên đề về chuyên môn, ứng dụng CNTT, giáo dục đạo đức HS,... để GV nâng cao trình độ.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

**Tiê****u chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục**

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

a) Vào đầu mỗi năm học, căn cứ vào hướng dẫn nhiệm vụ năm học của Sở GDĐT An Giang, nhà trường tiến hành xây dựng kế hoạch năm học phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của ngành và đặc điểm tình hình của đơn vị. Kế hoạch năm học cùng với các chỉ tiêu được thông qua tại Hội nghị Cán bộ - viên chức. [H1-1.1-05];[H1-1.8-01]

b) Nhà trường thực hiện đầy đủ các kế hoạch giáo dục: hoạt động chuyên môn, hoạt động ngoài giờ lên lớp, kế hoạch hoạt động của các tổ bộ môn, các kế hoạch thực hiện các phong trào,... [H1-1.8-02];[H1-1.8-03];[H1-1.8-04]

c) Các bộ phận, tổ chuyên môn rà soát, đánh giá về việc thực hiện kế hoạch hàng tháng, học kì để kịp thời điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế. [H1-1.4-08]; [H1-1.8-05];

Mức 2

Cùng với kế hoạch năm học, hàng năm nhà trường có các kế hoạch, biện pháp chỉ đạo trong chương trình công tác tháng, trong đó mỗi tháng đều có 2 loại chuyên đề được kiểm tra song song như chuyên đề hành chính và chuyên đề chuyên môn. Nhà trường kịp thời chỉ đạo trong công tác ôn tập học kì, ôn thi tốt nghiệp, bồi dưỡng HSG, đôn đốc, đẩy mạnh phong trào thi đua trong toàn thể GV. Kết quả trong 5 năm trở lại đây, nhà trường đạt được nhiều thành tích trong phong trào thi đua của ngành. [H1-1.8-06]; [H1-1.8-07];[H1-1.4-11];

Thực hiện theo nguyện vọng của Cha mẹ học sinh (CMHS) và HS, nhà trường có tổ chức dạy thêm, học thêm. Việc quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định tại Thông tư 17/2012/TT-BGDĐT ngày 6 tháng 5 năm 2012, Quyết định số 08, 04 của UBND tỉnh An Giang và các văn bản hướng dẫn của Sở GDĐT An Giang. [H1-1.8-08];

Tuy nhiên, do qui chế chi tiêu nội bộ không cho phép nên việc tuyên dương, khen thưởng còn hạn chế nhất là trong các hoạt động phong trào, ngoài giờ lên lớp. Chưa có biện pháp xử lý các cá nhân và bộ phận thực hiện nhiệm vụ chưa đạt hiệu quả.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã xây dựng được kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Trên cơ sở kế hoạch đã xây dựng, tập thể CB, GV, NV cũng như các tổ chức đoàn thể trong nhà trường đã đoàn kết cố gắng thực hiện đầy đủ các kế hoạch đã đề ra.

Việc quản lý công tác dạy thêm học thêm được thực hiện một cách nghiêm túc theo quy định của cấp trên.

**3. Điểm yếu**

Có thực hiện sơ, tổng kết nhưng còn thiếu mảng tuyên dương, khen thưởng, phê bình các cá nhân, bộ phận.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2020-2021 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục triển khai có hiệu quả việc quản lý các hoạt động giáo dục đúng theo quy định, phù hợp với tình hình thực tiễn của đơn vị.

Năm 2021, trường xây dựng lại qui chế chi tiêu nội bộ, bổ sung kịp thời các nội dung phục vụ công tác tuyên dương, khen thưởng.

Đề ra các bước cụ thể trong việc phê bình các cá nhân và bộ phận, công khai trong toàn thể GV-NV.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

**Tiê****u chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở**

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) CBQL, GV, NV của nhà trường được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường. Cụ thể, đóng góp ý kiến trong Hội nghị viên chức đầu năm, các kì họp Hội đồng sư phạm, họp tổ chuyên môn; đóng góp ý kiến xây dựng quy chế dân chủ, quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm. [H1-1.9-01]; [H1-1.8-01]; [H1-1.2-06];

b) Trường có hộp thư góp ý đặt tại văn phòng Đoàn, có GV kiêm nhiệm Tư vấn học đường, kịp thời giải đáp thắc mắc và nắm được tâm tư, tình cảm của HS, từ đó đưa ra hướng giải quyết kịp thời. Có bộ phận tiếp dân (Ban giám hiệu, Ban Thanh Tra nhân dân, nhân viên văn phòng), các kiến nghị, phản ánh của GV, NV, CMHS và HS đều được giải quyết kịp thời, đúng qui định và đúng pháp luật.[H1-1.9-04]; [H1-1.9-05]; [H1-1.9-03];

c) Hàng năm, có xây dựng quy chế dân chủ, lấy ý kiến từ GV và có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ. [H1-1.9-02];

Tuy nhiên, một số GV, NV ít tham gia ý kiến, đóng góp xây dựng nội quy, quy chế, kế hoạch, chủ trương của nhà trường.

Mức 2:

Các hoạt động của nhà trường đều đảm bảo thực hiện đúng theo Quy chế dân chủ cơ sở (Nghị định số 04/2015/NĐ-CP, ngày 09/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 01/2016/TT-BNV của Bộ Nội vụ về Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập, Hướng dẫn số 04/HD-CĐN, ngày 05/9/2015 của Công đoàn ngành Giáo dục An Giang). Nhà trường có bảng công khai Quy chế dân chủ cơ sở đặt vị trí trước phòng GV, được Thanh tra nhân dân giám sát và báo cáo trong hội nghị cán bộ, viên chức hằng năm và các báo cáo tổng kết của nhà trường. Lãnh đạo nhà trường luôn lắng nghe tâm tư, tình cảm, bức xúc,... của GV, NV, gặp gỡ, tìm hiểu và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của CB, GV, NV kịp thời, cho nên không có đơn thưa, khiếu nại.[H1-1.2-07];

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường luôn đảm bảo thực hiện dân chủ trong các hoạt động. GV, NV được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

Lãnh đạo nhà trường luôn lắng nghe tâm tư, tình cảm, bức xúc,... của GV, NV, gặp gỡ, tìm hiểu và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của CB, GV, NV kịp thời; tinh thần phê bình và tự phê bình được tập thể phát huy. Nhờ thế, tập thể ngày càng thấu hiểu, chia sẻ, đồng thuận và thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, quan tâm và xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong tập thể nhà trường.

Tập thể CB, GV, NV nhà trường thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ cơ sở. Không có đơn thưa, khiếu nại

**3. Điểm yếu**

Một số GV, NV ít tham gia ý kiến, đóng góp xây dựng nội quy, quy chế, kế hoạch, chủ trương của nhà trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2020-2021 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục phát huy tốt vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người đứng đầu các tổ chức, bộ phận trong nhà trường; phát huy tính dân chủ trong CBQL, GV và NV; đưa ra nhiều biện pháp kích thích sự đóng góp ý kiến nhiệt tình của GV, NV.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

**Tiê****u chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học**

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Đầu năm học, nhà trường có xây dựng các kế hoạch cụ thể về đảm bảo an toàn giao thông (ATGT), an toàn an ninh trật tự; phòng chống tai nạn, thương tích; phòng, chống cháy, nổ; phòng, chống dịch bệnh; chống các tệ nạn xã hội và phòng chống bạo lực trong nhà trường. [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02];

b) Nhà trường có hộp thư góp ý, công khai số điện thoại của nhà trường để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân. Nhà trường có lực lượng bảo vệ cơ quan đảm bảo an toàn cho CBQL, GV, NV và HS trong nhà trường.[H1-1.9-05]; [H1-1.10-03];[H1-1.2-07];

c) Trong đơn vị không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới, bạo lực trong nhà trường. [H1-1.10-04];

Mức 2:

a) Nhà trường đã phổ biến dưới cờ, các tiết sinh hoạt lớp, trong các cuộc họp, hướng dẫn cho tất cả CBQL, GV, NV và HS thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường. [H1-1.10-05];

b) Nhà trường có thành lập đội phòng chống bạo lực học đường để thu thập thông tin và các biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự. Khi phát hiện có hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. [H1-1.10-06]; [H1-1.10-07];

Tuy nhiên, còn một số ít HS chưa kiềm chế tốt cảm xúc trong việc giải quyết mâu thuẫn.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã xây dựng được các phương án đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống bạo lực, tệ nạn xã hội, dịch bệnh,... tạo môi trường học tập thân thiện cho HS toàn trường. Việc phối hợp với lực lượng chức năng tại địa phương ngày càng phát huy hiệu quả, bảo đảm an toàn cho HS và cho CB, GV, NV trong nhà trường. Trong những năm qua, nhà trường đã xây dựng được môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện, không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới.

**3. Điểm yếu**

Còn một số ít HS chưa kiềm chế tốt cảm xúc trong việc giải quyết mâu thuẫn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2020-2021 và những năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục đẩy mạnh việc phối hợp giữa nhà trường và lực lượng công an các xã trên địa bàn huyện, duy trì an ninh trật tự, đảm bảo an toàn cho CB, GV, NV; phát huy vai trò tổ tư vấn học đường, NV y tế trường học, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong công tác quản lý, tư vấn, hỗ trợ HS nâng cao nhận thức, kỹ năng phòng tránh các hiểm họa thiên tai, dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, phòng tránh các tệ nạn xã hội; tổ chức các buổi diễn tập phòng chống cháy nổ, đọc bài tuyên truyền trong các buổi phát thanh học đường,… Hàng năm, nhà trường tăng cường phối hợp giữa gia đình và xã hội tuyên truyền giáo dục để nâng cao ý thức rèn luyện đạo đức HS; phát huy vai trò giáo viên chủ nhiệm (GVCN) trong công tác quản lý, hỗ trợ HS; tổ chức cho HS và CMHS ký cam kết không vi phạm về bạo lực học đường, về an ninh trật tự và ATGT. Trong từng năm học, tập thể nhà trường tiếp tục tích cực và thường xuyên phối hợp với các tổ chức ngoài nhà trường để xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện, tuyệt đối không để xảy ra hiện tượng kỳ thị, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, tuyên truyền, giáo dục và liên kết với ban đại diện CMHS một cách thiết thực và hiệu quả nhất nhằm hạn chế tình trạng HS vi phạm quy định về ATGT.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

**Kết luận về Tiê****u chuẩn 1:**

Tổ chức và quản lý trong nhà trường là hoạt động vô cùng quan trọng, quyết định sự phát triển của nhà trường. Để tổ chức hoạt động có hiệu lực, hiệu quả nhà trường cần có bộ máy vận hành tốt, có sự đồng bộ, hợp pháp, hợp lý. Do đó, nhà trường thực hiện tốt cơ cấu tổ chức, quản lý điều hành hoạt động, số lớp học, số HS theo chuẩn, thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng theo tầm nhìn chiến lược và hoạch định chiến lược sự phát triển của nhà trường,... Quản lý nhà nước tại trường thực hiện đúng quy định, thực hiện tốt các phong trào thi đua của ngành.

Hội đồng tư vấn của nhà trường chưa mạnh. Giáo viên còn thừa thiếu cục bộ ở một số môn; số lớp có sỹ số trên 40 học sinh vẫn còn nhiều.

Tự đánh giá tiêu chí Mức 1:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 10/10 - Tỉ lệ: 100%

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/10 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 2:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 10/10 - Tỉ lệ: 100%

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/10 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 3:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 3/5 - Tỉ lệ: 60%

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 2/5 - Tỉ lệ: 40%

**Tiêu** **chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh**

**Mở đ****ầu**:

Trong hệ thống các trường THPT trực thuộc Sở GDĐT An Giang thì Trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm có quy mô số lớp và số lượng HS lớn nhất nên nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của lãnh đạo Đảng, chính quyền các cấp và của Sở GDĐT An Giang. Trong đó, đội ngũ CBQL, GV và NV không ngừng được bổ sung, bồi dưỡng về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nên đến nay đã đủ về số lượng, 100% CBQL, GV, NV có trình độ chuyên môn đạt chuẩn và trên chuẩn, có tay nghề vững vàng, tận tâm tận lực với sự nghiệp GDĐT của nhà trường, hoàn thành tốt nhiệm vụ ở từng vị trí, tạo sức mạnh tổng hợp tiếp tục xây dựng và phát triển nhà trường.

**Tiêu ch****í 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng**

Mức 1:

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có 01 Hiệu trưởng và 03 Phó hiệu trưởng đều có trên 15 năm công tác, có kinh nghiệm và năng lực quản lý, đạt các yêu cầu theo quy định tại Điều lệ trường trung học.[H2-2.1-01]; [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03];

b) Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng hàng năm được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng trở lên theo Quy định Chuẩn hiệu trưởng của trường trung học.[H2-2.1-04];

c) Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng hàng năm đều được tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn, nghiệp vụ. Cả 04 người đều được đào tạo qua lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý giáo dục, có chứng chỉ.[H2-2.1-05]; [H2-2.1-06];

Mức 2:

a) Từ năm 2016 đến nay, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng được đánh giá đều đạt chuẩn Hiệu trưởng từ mức khá trở lên. [H2-2.1-04]

b) Hiệu trưởng và 03 Phó hiệu trưởng được đào tạo về trình độ lý luận chính trị và đã được cấp bằng Trung cấp lý luận chính trị. Đồng thời, hàng năm được tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng lý luận chính trị trong hè. Ban giám hiệu nhà trường được GV-NV ủng hộ và tín nhiệm.[H2-2.1-09]; [H2-2.1-07]; [H2-2.1-08];

Mức 3:

Trong 5 năm liên tiếp, Hiệu trưởng và 03 Phó hiệu trưởng được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng loại khá, năm 2017 có 01 Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng được đánh giá tốt, năm 2018 có 01 Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng được đánh giá tốt, năm 2020 Hiệu trưởng được đánh giá tốt.[H2-2.1-04]

**2. Điểm mạnh**

Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng có trình độ chuyên môn đạt chuẩn và trên chuẩn; cả 4 CBQL đều được GV, NV trong nhà trường tín nhiệm và ủng hộ; đồng thời, hàng năm được lãnh đạo cấp trên đánh giá chuẩn Hiệu trưởng từ mức khá trở lên.

**3. Điểm yếu**

Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng có chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định nhưng còn hạn chế về năng lực giao tiếp bằng ngoại ngữ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

CBQL tiếp tục phát huy những điểm mạnh đã đạt được, không ngừng học hỏi, tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt tham gia các lớp học về ngoại ngữ để nâng cao năng lực, đặc biệt là đàm thoại bằng Tiếng Anh.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3.

**Tiêu** **chí 2.2: Đối với giáo viên**

Mức 1:

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Năm học 2019-2020, trường có 43 lớp, số lượng GV là 97 người với đủ các bộ môn đảm bảo đúng theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập để đảm bảo thực hiện chương trình và tổ chức các hoạt động giáo dục. [H2-2.2-01];

b) Theo quy định của Điều lệ trường trung học, GV THPT phải có trình độ Đại học sư phạm, theo đó nhà trường có 100% GV đạt chuẩn trình độ đào tạo. [H2-2.2-02];

c) Kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp của GV năm 2019-2020 theo Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018, nhà trường có 100% GV đạt chuẩn nghề nghiệp từ mức đạt trở lên. [H2-2.2-03];

Mức 2:

a) Từ năm 2016 đến nay, tỉ lệ GV trên chuẩn đào tạo được duy trì ổn định và hiện nay đạt tỉ lệ 13,86%. [H2-2.2-04];

b) Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% GV đạt chuẩn nghề nghiệp từ mức đạt trở lên, trong đó có trên 60% đạt mức khá (đánh giá theo Thông tư 30 và Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018). [H2-2.2-05];

c) GV của trường tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm, sáng tạo, hướng nghiệp, hướng dẫn HS nghiên cứu KHKT ở các bộ môn Toán, Lý, Tin, Sinh. Trong thời gian 5 năm trở lại đây, trường không có GV bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên. [H2-2.2-06];

Mức 3:

a) Từ năm học 2015 - 2016, kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp GV của nhà trường luôn đạt tỷ lệ trên 90% loại khá nhưng chỉ có 02 năm học gần đây có trên 30% GV đạt chuẩn nghề nghiệp loại tốt (không liên tiếp). [H2-2.2-05]

b) Nhà trường có 02 GV tham gia nghiên cứu khoa học và có sản phẩm đạt giải cấp tỉnh trong năm 2017. Nhưng tham gia trong 05 năm liên tiếp thì không.

**2. Điểm mạnh**

GV đủ về số lượng và cơ cấu; 100% đạt trình độ chuẩn đào tạo trở lên và được phân công giảng dạy đúng chuyên môn. Nhà trường thực hiện tốt các hoạt động trải nghiệm, sáng tạo, hướng nghiệp cho HS, hướng dẫn các em nghiên cứu khoa học. GV đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên có tỉ lệ cao.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường còn 01 GV chậm tiến bộ, trong 03 năm liên tiếp kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp GV này luôn ở mức đạt. Tỉ lệ GV đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt còn thấp và chưa ổn định. Hoạt động nghiên cứu KHKT còn hạn chế ở các bộ môn thuộc khối xã hội.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2020 - 2021, nhà trường tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, hướng dẫn và thực hiện nghiên cứu khoa học cho HS nhất là ở các bộ môn thuộc lĩnh vực xã hội nhằm tiếp cận với chương trình giáo dục phổ thông mới. Đồng thời, phân công các tổ trưởng chuyên môn có biện pháp đôn đốc, nhắc nhở, giúp đỡ, động viên GV trong tổ phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao để đạt chuẩn nghề nghiệp từ mức khá trở lên và duy trì ổn định tỉ lệ GV đạt mức tốt (trên 30%).

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

**Tiêu ch****í 2.3: Đối với nhân viên**

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Năm học 2019-2020, nhà trường có 11 NV làm công tác hỗ trợ các hoạt động giáo dục, đáp ứng nhiệm vụ được giao như NV kế toán, thủ quỹ, văn thư, giáo vụ, y tế, thiết bị, thư viện, bảo vệ, phục vụ. Không có GV kiêm nhiệm các hoạt động hỗ trợ này. [H2-2.3-01].

b) 11 NV được Hiệu trưởng phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực và trình độ bản thân. [H2-2.3-02].

c) Qua các năm học, tất cả NV của trường đều hoàn thành các nhiệm vụ được giao thông qua kết quả đánh giá viên chức theo Nghị định 56/2015/NĐ-TTg. [H2-2.3-03];

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu NV của nhà trường đảm bảo theo quy định tại khoản 4, 5 Điều 8, Điều 10 của Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT, ngày 12/7/2017 của Bộ GDĐT hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập: 01 kế toán, 01 văn thư, 01 thủ quỹ, 01 thư viện, 01 y tế, 02 thiết bị, thí nghiệm, 02 phục vụ và 02 bảo vệ. [H2-2.2-01];

b) Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tất cả NV đều được đánh giá là hoàn thành nhiệm vụ trở lên, không có NV nào bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên. Tuy nhiên, chưa mạnh dạn tham gia các phong trào viết SKKN, sáng tạo trong quy trình làm việc, còn tình trạng ngôn phong chưa chuẩn mực. [H2-2.3-03]

Mức 3:

a) Tất cả các NV của nhà trường đều có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm, thư viện, kế toán, thủ quỹ, y tế, văn thư có trình độ trung cấp chuyên ngành, 2 NV thiết bị có trình độ đại học chuyên ngành, 02 bảo vệ có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ. [H2-2.3-04].

b) Hàng năm, các NV của trường được tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ do Sở GDĐT hoặc của các ban ngành khác tổ chức.[H2-2.3-05].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ số lượng NV theo quy định, được phân công công việc đúng theo năng lực, trình độ.

Hầu hết NV của nhà trường đều có ý thức chấp hành sự phân công của lãnh đạo, hoàn thành các nhiệm vụ được giao, thái độ phục vụ tốt.

**3. Điểm yếu**

NV còn thiếu tinh thần sáng tạo trong công việc, có trường hợp ngôn phong thiếu chuẩn mực.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong những năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục thực hiện tốt công tác phân công nhiệm vụ NV phù hợp với vị trí việc làm và năng lực công tác nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo của NV, uốn nắn, giáo dục NV khắc phục những hạn chế, khuyết điểm.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3.

**Tiêu ch****í 2.4: Đối với học sinh**

Mức 1:

a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;

b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;

c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hàng năm, nhà trường thực hiện công tác tuyển sinh lớp 10 đầu cấp đúng độ tuổi theo quy định (15 tuổi) tại Điều 37 Điều lệ trường trung học. [H2-2.4-01]; [H2-2.4-02];

b) HS được thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 38 của Điều lệ trường trung học như thực hiện nhiệm vụ học tập và rèn luyện theo chương trình; kính trọng người lớn; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau; rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân; tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội từ thiện; bảo vệ tài sản của nhà trường.[H2-2.4-03];

c) HS của trường được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 39 của Điều lệ trường trung học và các quy định khác, cụ thể các em được đảm bảo những điều kiện về thời gian, CSVC, vệ sinh, an toàn để học tập; được tham gia các hoạt động phát triển năng khiếu như thể thao, văn nghệ; được nhận các loại học bổng, các trợ cấp khác theo quy định. [H2-2.4-04]; [H2-2.4-05];

Mức 2:

Phần lớn HS chăm ngoan, có ý thức thực hiện nhiệm vụ và quyền của HS. Tuy nhiên, vẫn còn tình trạng HS hiểu lầm, xích mích, gây gỗ,... dẫn đến hành vi chưa đúng, đã được nhà trường phát hiện kịp thời, có biện pháp giáo dục phù hợp nên có nhiều chuyển biến tích cực. [H2-2.4-06];

Mức 3:

Hàng năm, nhà trường luôn tạo mọi điều kiện để HS tham gia các kỳ thi HSG cấp tỉnh, khu vực, quốc gia. Tham gia đầy đủ các phong trào do ngành tổ chức như: Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng, KHKT, Hội thi ca múa nhạc, Hội khỏe Phù Đổng,... mang lại nhiều thành tích cao. Đặc biệt, số lượng HSG của trường thường cao và đạt so với chỉ tiêu đề ra. [H2-2.4-07];

**2. Điểm mạnh**

Đa số HS chăm ngoan, chấp hành nội quy tốt, mang lại nhiều thành tích cho nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Cuối mỗi năm học, nhà trường vẫn còn khoảng 2 đến 4 HS chưa chăm, vi phạm nội quy, có hạnh kiểm loại yếu và phải rèn luyện trong hè.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục đổi mới phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra, đánh giá, hướng dẫn phương pháp tự học nhằm tạo động lực, hứng thú trong học tập đến HS; bộ phận Đoàn thanh niên phối hợp với bộ phận ngoài giờ đầu tư đổi mới, sáng tạo tổ chức các hoạt động vui chơi lồng ghép giáo dục kỹ năng, trải nghiệm; GVCN phối hợp chặt chẽ với các bộ phận trong nhà trường, với CMHS để kịp thời giáo dục, uốn nắn các em, nhằm hạn chế việc HS phải rèn luyện trong hè.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3.

**Kết luận v****ề Tiêu chuẩn 2:**

CBQL, GV, NV đảm bảo 100% đạt chuẩn về chuyên môn đào tạo, có phẩm chất đạo đức tốt, nhiệt tình giảng dạy, có tinh thần đoàn kết, có ý thức tập thể xây dựng nhà trường vững mạnh, tham gia đầy đủ các hoạt động do cấp trên đề ra và luôn đạt kết quả cao.

HS đa phần chăm ngoan, có ý thức học tập, được đảm bảo tốt các điều kiện về học tập, góp phần xây dựng thêm nhiều thành tích cho nhà trường.

Tuy nhiên, số lượng GV "tầm vóc" trong đội ngũ còn ít, vẫn còn một số HS thực hiện chưa tốt các nội quy, quy định trong nhà trường về ngôn phong ứng xử, chấp hành luật lệ giao thông.

Tự đánh giá tiêu chí Mức 1:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 4/4 - Tỉ lệ: 100%

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/4 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 2:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 4/4 - Tỉ lệ: 100%

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/4 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 3:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 3/4 - Tỉ lệ: 75%

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 1/4 - Tỉ lệ: 25%

**Tiêu ch****uẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học**

**Mở** **đầu**:

CSVC và trang thiết bị dạy học là yếu tố rất quan trọng, có ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường. Trong những năm qua, nhà trường luôn được sự quan tâm đầu tư của Sở GDĐT An Giang trong việc nâng cấp, sửa chữa CSVC. Nhiều công trình đã và đang được xây dựng, cải tạo như phòng học, nhà vệ sinh GV, HS nhằm phục vụ tốt nhất cho các hoạt động dạy và học. CSVC, trang thiết bị, thư viện nhà trường đảm bảo phục vụ các nhu cầu cơ bản của công tác dạy và học.

**Tiêu** **chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập**

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m2/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m2/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Khuôn viên của trường trồng nhiều cây, được vệ sinh thường xuyên nên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục [H3-3.1-01]

b) Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, cổng trường, biển tên trường và tường rào bao quanh theo quy định [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02]

c) Nhà trường có khu sân chơi, bãi tập có đủ các thiết bị tối thiểu để luyện tập TDTT và các hoạt động giáo dục của nhà trường [H3-3.1-01]; [H3-3.1-03]

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập của trường với 01 sân bóng chuyền, 01 sân bóng đá, 02 sân đá cầu, cầu lông; 01 hố nhảy xa; sân trường rộng rãi, có diện tích đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục. [H3-3.1-01]; [H3-3.1-04].

Mức 3:

Tổng diện tích mặt bằng của nhà trường 15442 m2, tính theo đầu HS năm học 2019-2020 (1831 HS) đạt 8,43m2/HS. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích lớn hơn 25% tổng diện tích của trường. [H3-3.1-05]. Tuy nhiên vẫn còn 60% diện tích đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có diện tích mặt bằng tính theo đầu HS đúng quy định. Khuôn viên trường tách biệt với nhà dân, có tường rào bảo vệ; có cây xanh che phủ tạo bóng mát; hệ thống sân chơi, bài tập, các trang thiết bị để tổ chức các hoạt động TDTT và các hoạt động giáo dục khác. Nhà trường có 2 điểm trường (điểm chính và điểm phụ) luôn đảm bảo xanh, sạch, đẹp và an toàn.

**3. Điểm yếu**

Đất điểm phụ (3046m2) và phần diện tích còn lại của điểm chính (7881m2) chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường sẽ lập hồ sơ để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho phần đất còn lại trong năm học 2020-2021. Khi được tỉnh đầu tư về CSVC cho trường chuẩn quốc gia thì trả lại điểm phụ cho UBND huyện Châu Thành.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

**Tiêu chí** **3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập**

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường hiện có 37 phòng học (29 điểm chính, 08 điểm phụ). Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với vóc dáng HS. Phòng học có bàn ghế của GV, có bảng viết, quạt, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày. [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02].

b) Có đủ các phòng bộ mộn theo quy định: 01 phòng Vật lý, 01 phòng công nghệ, 01 phòng Hoá học, 01 phòng Sinh học, 01 phòng Ngoại ngữ và 03 phòng Tin học.[H3-3.1-02];[H3-3.2-03]. Tuy nhiên một số trang thiết bị phòng bộ môn đã cũ, lạc hậu, sai số cao, không đáp ứng được yêu cầu học tập

c) Có phòng hoạt động Đoàn thanh niên, thư viện và phòng truyền thống. [H3-3.1-02]; [H3-3.2-01]

Mức 2

a) Các phòng học, phòng bộ môn được xây dựng đạt theo chuẩn quy định tại thông tư 37/2008/BGDĐT ngày 16/7/2008 của Bộ GDĐT. [H3-3.2-03]

b) Khối phục vụ học tập gồm phòng truyền thống, thư viện, phòng đoàn đội, tiền sảnh đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường theo quy định. [H3-3.1-02]; [H3-3.2-01].

Mức 3

Các phòng học, phòng bộ môn (7 phòng) đều đạt chuẩn và có đầy đủ trang thiết bị dạy học theo quy định. [H3-3.2-03]; [H3-3.2-04].

**2. Điểm mạnh**

Có đủ phòng bộ môn theo quy định và được bố trí độc lập với dãy các phòng học. Có bàn ghế của GV, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát. Bàn ghế, hệ thống đèn quạt được thường xuyên kiểm tra sửa chữa, bổ sung. Có phòng Đoàn thanh niên, thư viện phục vụ HS và GV. Khối phục vụ học tập đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động của nhà trường. Các phòng bộ môn đã đạt chuẩn theo quy định.

**3. Điểm yếu**

Một số trang thiết bị phòng bộ môn đã cũ, lạc hậu, sai số cao, không đáp ứng được yêu cầu dạy và học.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2020-2021 sẽ thực hiện mua sắm bổ sung, thay thế các thiết bị cũ, lạc hậu từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

**Tiêu** **chí 3.3: Khối hành chính - quản trị**

Mức 1:

a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có 01 phòng làm việc của Hiệu trưởng, 03 phòng làm việc của 3 Phó hiệu trưởng, 01 phòng truyền thống, 01 phòng y tế, 01 phòng hành chính, 01 phòng GV, 01 phòng thư viện và 01 phòng hoạt động đoàn đảm bảo tốt các yêu cầu hoạt động hành chính-quản trị của nhà trường. [H3-3.3-01]; [H3-3.3-02].

b) Nhà trường có 03 nhà xe dùng cho GV, NV và 03 nhà xe dành cho HS. Các nhà xe được bố trí một cách hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự. [H3-3.3-03]. Tuy nhiên số nhà xe hiện có vẫn thiếu so với số lượng HS của trường.

c) Định kỳ hàng năm nhà trường đều có kế hoạch bảo trì và mua sắm để bổ sung các thiết bị cho khối hành chính - quản trị. [H3-3.3-04]

Mức 2:

Khối hành chính, quản trị, được xây dựng theo quy định; thoáng mát, có đủ ánh sáng, nước sạch phục tốt cho các hoạt động của giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường. Căn tin rộng rãi, sạch sẽ và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm [H3-3.3-05]; [H3-3.3-06].

Mức 3:

Khối hành chính, quản trị có đầy đủ các trang thiết bị như bàn, ghế, tủ, máy tính, máy in và điện thoại, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của nhà trường. [H1-1.2-07];[H3-3.3-01]; [H3-3.3-07]. Tuy nhiên mái ngói và trần nhà đã xuống cấp.

**2. Điểm mạnh**

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các phòng theo quy định; trang thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học đảm bảo phục vụ tốt cho các hoạt động hành chính. Nhà trường thường xuyên có kế hoạch rà soát, bảo trì, mua bổ sung những trang thiết bị cần thiết phục vụ cho khối hành chính - quản trị. Khu nhà xe rộng rãi, có đủ chỗ để xe cho GV toàn trường; được sắp xếp gọn gàng, trật tự.

**3. Điểm yếu**

Mái ngói và trần nhà khu hành chính đã xuống cấp. Số nhà xe hiện có vẫn thiếu so với số lượng HS của trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tham mưu với Sở GDDT An Giang xây bổ sung nhà xe và cải tạo khu hành chính vào năm học 2020 - 2021 và các năm tiếp theo bằng nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và ngân sách.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

**Tiêu** **chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước**

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

a) Nhà trường có 06 nhà vệ sinh cho HS với 32 xí và 01 nhà vệ sinh cho GV với 06 xí. Khu vệ sinh cho nam, nữ, GV, NV, HS bố trí tách biệt, được vệ sinh thường xuyên, đảm bảo sạch sẽ, không ô nhiễm môi trường [H3-3.3-05]; [H3-3.4-01]. Tuy nhiên số xí trên đầu học sinh vẫn còn thiếu so với quy định.

b) Nhà trường có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch (nước máy) đủ nguồn nước đáp ứng nhu cầu sử dụng của CB, GV, NV và HS [H3-3.3-05]; [H3-3.3-06].

c) Nhà trường có tổ chức thu gom và phân loại rác thải, các thùng rác được bố trí ở các dãy phòng học một cách hợp lý đảm bảo vệ sinh môi trường.[H3-3.3-05]; [H3-3.4-02].

Mức 2

a) Các nhà vệ sinh được bố trí tách biệt với các dãy phòng học, luôn bảo đảm sạch sẽ, không ô nhiễm. [H3-3.1-02]; [H3-3.3-05];

b) Hệ thống cấp nước sạch, thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định tại khoản 1 và 3 điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT- BGDDT- BYT ngày 15/5/2016 của Bộ GDDT và Bộ Y tế quy định về công tác y tế trường học. [H3-3.1-02]; [H3-3.3-05]; [H3-3.4-01]; [H3-3.4-02].

**2. Điểm mạnh**

Nhà vệ sinh của nam nữ được bố trí riêng, luôn đảm bảo sạch sẽ và đầy đủ nước cho GV, NV và HS sử dụng. Hệ thống nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng; hệ thống thoát nước, việc thu gom và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

**3. Điểm yếu**

Số xí vệ sinh còn thiếu so với số lượng HS của trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường sẽ tiến hành cải tạo, nâng cấp các nhà vệ sinh hiện có đã xuống cấp. Tham mưu với Sở GDĐT An Giang xây bổ sung mới các nhà vệ sinh cho HS trong năm học 2020-2021 bằng nguồn ngân sách và Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

**Ti****êu chí 3.5: Thiết bị**

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của đơn vị trong dạy học và quản lý. Mỗi vị trí việc làm đều được bố trí bàn, ghế làm việc; 01 máy tính, máy in và các thiết bị cần thiết khác. [H3-3.3-01]; [H3-3.3-02]

b) Trường có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định tại thông tư số 01/2010/TT-BGDĐT ngày 18/01/2010 của Bộ trưởng Bộ GDĐT. [H3-3.2-04]

c) Hằng năm, nhà trường tiến hành kiểm kê tài sản, các tổ chuyên môn rà soát đề nghị sửa chữa, nâng cấp, bổ sung đồ dùng và thiết bị dạy học. [H3-3.5-01];[H3-3.5-02].

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính của trường được kết nối Internet với 3 line cáp quang tốc độ cao, phục vụ tốt cho công tác quản lý, hoạt động dạy học.[H3-3.5-03]

b) Trường có khá đầy đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu dạy học theo quy định. [H3-3.2-03]; [H3-3.2-04]. Tuy nhiên máy chiếu, Tivi màn hình lớn phục vụ việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy vẫn còn thiếu so với nhu cầu.

c) Hằng năm, nhà trường được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm .[H1-1.4-08]; [H3-3.5-04].

Mức 3:

Nhà trường khai thác sử dụng hiệu quả thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm đáp ứng nhu cầu nội dung đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. [H1-1.4-08]; [H3-3.5-04].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường được trang bị khá đầy đủ về thiết bị và ĐDDH theo quy định; đảm bảo cho các hoạt động văn phòng và các hoạt động giáo dục học sinh. CB, GV khai thác tốt các phòng bộ môn, sử dụng tối đa thiết bị giáo dục, ĐDDH hiện có. Hàng năm đều có bổ sung các thiết bị dạy học tự làm.

**3. Điểm yếu**

Máy chiếu, Tivi màn hình lớn phục vụ việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy vẫn còn thiếu so với nhu cầu.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tận dụng triệt để các trang thiết bị hiện có để giảng dạy. Từng bước mua sắm bổ sung máy chiếu, tivi màn hình lớn đặt tại các phòng học trong năm học 2020-2021 và các năm tiếp theo bằng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

**Tiê****u chí 3.6: Thư viện**

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có phòng thư viện riêng biệt, với diện tích 128m2, có phòng đọc dành riêng cho HS và GV; được trang bị 14009 bản sách giáo khoa, 6662 bản sách tham khảo, 1357 bản sách nghiệp vụ, báo, tạp chí, bản đồ... đảm bảo tối thiểu phục vụ cho các hoạt động nghiên cứu, dạy học của GV và HS.[H3-3.1-02]; [H3-3.6-01].

b) Thư viện hoạt động theo kế hoạch năm, tháng, các chuyên đề,...đáp ứng các yêu cầu về nghiên cứu, học tập tối thiêu cho GV, NV và HS. [H1-1.2-07]; [H3-3.6-02]; [H3-3.6-03].

c) Hàng năm đều được kiểm kê, bổ sung kịp thời sách báo, tranh, ảnh, tạp chí [H3-3.6-04]; [H3-3.6-05]. Tuy nhiên sách tham khảo vẫn còn thiếu so với quy định .

Mức 2:

Thư viện nhà trường được đánh giá đạt chuẩn theo Quyết định số 01/2003/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 01 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông. [H3-3.6-06];

Mức 3:

Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.2-01]; [H3-3.5-03]. Tuy nhiên chưa đạt chuẩn tiên tiến.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có phòng thư viện riêng biệt, với diện tích 128m2, được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, máy tính được kết nối Internet... đảm bảo phục vụ cho các hoạt động nghiên cứu, dạy học của GV và HS và đã được đánh giá đạt chuẩn.

**3. Điểm yếu**

Sách tham khảo hiện tại chưa đủ so với quy định cả về số lượng và chất lượng.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường sẽ mua sắm bổ sung 1200 bản sách tham khảo trong năm học 2020-2021 bằng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

**5. Tự đánh giá:**  Đạt mức 2.

**Kết luận về** **Tiêu chuẩn 3:**

Nhà trường được trang bị khá đầy đủ về CSVC có khuôn viên riêng biệt, tường bao, cổng trường, biển trường theo quy định; có đầy đủ các phòng học, phòng bộ môn. Các phòng học, phòng bộ môn, khối phục vụ học tập đảm bảo các trang thiết bị tối thiểu; đầy đủ ánh sáng, thoáng mát, đủ bàn ghế, phù hợp với vóc dáng HS. Việc quản lý, sử dụng các khối phòng học, phòng bộ môn nói trên thực hiện có hiệu quả và theo đúng các quy định hiện hành. Trường có hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng theo quy định. Hệ thống mạng Internet đảm bảo phục vụ cho việc dạy và học. Thư viện trường và các phòng chức năng đã đạt chuẩn. Tuy nhiên, một số trang thiết bị dạy học, số xi vệ sinh và nhà xe vẫn còn thiếu so với nhu cầu.

Tự đánh giá tiêu chí Mức 1:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 6/6 - Tỉ lệ: 100%

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/6 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 2:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 6/6 - Tỉ lệ: 100%

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/6 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 3:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 0/5 - Tỉ lệ: 0%

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 5/5 - Tỉ lệ: 100%

**Tiêu ch****uẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

**Mở đ****ầu**:

Trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm thuộc địa bàn thị trấn, đời sống của nhân dân tương đối ổn định nên đa phần CMHS quan tâm đến việc học tập, rèn luyện của con cái và luôn giữ được mối liên lạc với nhà trường; đồng thời tất cả CMHS thống nhất với nhà trường về mục tiêu, giải pháp giáo dục HS; HS chăm ngoan, lễ phép, biết vâng lời thầy cô. Ban đại diện CMHS công tâm, nhiệt tình với mọi hoạt động của nhà trường. Nhà trường cùng với GVCN thường xuyên chủ động giữ mối liên hệ chặt chẽ với gia đình, xã hội trong quá trình giáo dục HS và thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục.

**Tiêu** **chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh**

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Đầu năm học, sau Khai giảng, các lớp tiến hành họp CMHS để bầu ra Ban đại diện của lớp gồm 01 trưởng ban, 01 phó ban và 01 ủy viên. Sau đó, nhà trường tiến hành Đại hội đại biểu CMHS để thành lập Ban đại diện CMHS trường. Ban đại diện CMHS trường cơ cấu gồm 01 trưởng ban, 03 phó ban và các ủy viên có nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều 46 của Điều lệ trường trung học và theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011. [H4-4.1-01]

b) Ban đại diện CMHS có xây dựng kế hoạch hoạt động theo năm học. [H4-4.1-02]

c) Ban đại diện CMHS tổ chức thực hiện các hoạt động đúng tiến độ theo kế hoạch [H4-4.1-03]

Mức 2:

Ban đại diện CMHS trường phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường như: lễ Khai giảng, 20/11, lễ hội xuân, hội khỏe Phù Đổng, tri ân trưởng thành, tổng kết năm học, hỗ trợ tổ chức các kỳ thi, hội thi của HS; Phối hợp cùng với nhà trường trong việc trao quà "Tiếp bước đến trường" hàng năm nhằm góp phần giảm thiểu tỷ lệ HS bỏ học. Thông qua Ban đại diện các lớp, tuyên truyền trong CMHS những chủ trương của nhà trường trong từng năm học. [H4-4.1-04]

Mức 3:

Đối với xã hội, Ban đại diện CMHS trường phối hợp nhưng chưa hiệu quả. [H4-4.1-05]

**2. Điểm mạnh**

Ban đại diện CMHS lớp, trường tích cực hoạt động, nhiệt tình trong việc thực hiện nhiệm vụ theo Điều lệ trường trung học, Thông tư 55 và kế hoạch hoạt động được xây dựng hàng năm.

Giữa nhà trường và Ban đại diện CMHS có sự phối hợp thường xuyên trong việc thực hiện các nhiệm vụ giáo dục và chăm lo cho HS.

**3. Điểm yếu**

Còn tình trạng CMHS thiếu sự quan tâm đến việc học của con cái, giao hết trách nhiệm cho nhà trường nên trong năm học không đến trường dự họp cho con, do đó ảnh hưởng đến sự phối hợp giữa nhà trường và gia đình.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục tạo điều kiện cho Ban đại diện CMHS lớp, trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, quyền và trách nhiệm theo đúng quy định tại Thông tư 55; phối hợp với Ban đại diện CMHS các lớp cải tiến chất lượng các buổi họp CMHS nhằm thu hút sự quan tâm của CMHS, khắc phục tình trạng vắng không họp.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

**Tiêu c****hí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường**

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hàng năm nhà trường có xây dựng kế hoạch tháng hành động vì sự nghiệp giáo dục, thông qua kế hoạch này nhà trường đã thể hiện sự tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường. [H4-4.2-01]

b) Để thực hiện thành công Kế hoạch tháng hành động vì sự nghiệp giáo dục, ngoài việc tham mưu với lãnh đạo địa phương, nhà trường còn có công văn gởi đến đài phát thanh huyện Châu Thành để vận động HS đến trường theo lịch tựu trường thông qua hệ thống phát thanh của các xã, thị trấn trong huyện. Đồng thời, nhà trường còn có tờ trình và danh sách những HS lưu ban, bỏ học theo địa bàn gởi về các xã, thị trấn phối hợp vận động HS trở lại trường.[H4-4.2-02]

c) Trong Kế hoạch Tháng hành động vì sự nghiệp giáo dục hàng năm, nhà trường có thực hiện công tác chăm lo HS, cụ thể là chăm lo cho HS nghèo, cận nghèo, mồ côi, dân tộc, hoàn cảnh khó khăn,...có đủ điều kiện để đến trường trong năm học mới nên nhà trường đã chủ động tham mưu sự đóng góp của Ban đại diện CMHS, huy động các nguồn tập, viết, xe đạp, tiền từ các mạnh thường quân, các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp, các cựu HS. [H4-4.1-05]

Mức 2:

Để thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường về mục tiêu phát triển CSVC và trang thiết bị dạy học, nhà trường đã gởi nhiều tờ trình về Sở GDĐT An Giang xin chủ trương sửa chữa phòng học, khu hiệu bộ, xây dựng mới nhà vệ sinh cho GV, HS; mua sắm các trang thiết bị như màn hình máy vi tính, TV, sách tham khảo phục vụ cho dạy học và đã được Sở chấp thuận, đồng thời nhà trường cũng đã tiến hành đúng theo kế hoạch đã đề ra.[H4-4.2-05].

Mức 3:

Nhà trường phối hợp với các đoàn thể trong nhà trường như Công đoàn, tổ Nữ công, Đoàn thanh niên, các tổ chuyên môn và ngoài nhà trường như Huyện đoàn Châu Thành, Phòng tư pháp huyện Châu Thành, trung tâm TDTT huyện Châu Thành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Châu Thành, các trường phổ thông,… tổ chức các hoạt động giao lưu với nhiều nội dung thiết thực, hiệu quả nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn như: thắp nến tri ân 27/7, các buổi nói chuyện nhân dịp ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam 22/12; toạ đàm ngày 20/11, 08/03; hội trại, về nguồn, tham quan học tập các điểm di tích lịch sử trong và ngoài tỉnh nhân ngày 26/3… Những hoạt động trên gây ấn tượng tốt đẹp với CB, GV, NV và có ý nghĩa sâu sắc với HS trong việc giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc. [H4-4.2-03];[H4-4.2-04];[H1-1.3-17].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã tích cực, chủ động trong công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức đoàn thể ở địa phương, với Ban đại diện CMHS để huy động nguồn lực xây dựng nhà trường và môi trường giáo dục.

**3. Điểm yếu**

Việc tuyên truyền để tăng thêm sự hiểu biết trong cộng đồng về nội dung, phương pháp dạy học còn hạn chế.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2020-2021 và các năm tiếp theo, vào đầu năm học nhà trường tăng cường công tác phối hợp với Đài truyền thanh Huyện, chính quyền các xã, thị trấn trong việc tuyên truyền, vận động HS đến trường; phổ biến kế hoạch giáo dục của nhà trường; nói rõ tầm quan trọng của giáo dục trong cộng đồng, nhằm thực hiện có hiệu quả hơn nữa kế hoạch giáo dục của nhà trường.

**5. Tự đánh giá:**  Đạt mức 3.

**Kết l****uận về Tiêu chuẩn 4:**

Nhà trường đã xây dựng được mối quan hệ tích cực, hiệu quả với các lực lượng xã hội để tăng cường hoạt động khuyến học, khuyến tài. Các tổ chức đoàn thể, nhân dân địa phương, hội Khuyến học các cấp trên địa bàn, Ban đại diện CMHS, các cá nhân, các nhà hảo tâm, đã kịp thời, động viên giúp đỡ nhiều HSG, HS nghèo vượt khó, HS có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Công tác xã hội hoá giáo dục đã thu được một số kết quả tích cực góp phần đầu tư xây dựng CSVC, cảnh quang nhà trường. Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội đã được duy trì chặt chẽ thường xuyên. Tuy nhiên vẫn còn một số CMHS thiếu sự quan tâm, phối hợp với nhà trường trong việc giáo dục con cái.

Tự đánh giá tiêu chí Mức 1:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 2/2 - Tỉ lệ: 100%

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/2 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 2:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 2/2 - Tỉ lệ: 100%

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/2 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 3:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 1/2 - Tỉ lệ: 50%

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 1/2 - Tỉ lệ: 50%

**Tiêu c****huẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục**

**Mở** **đầu**:

Trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm lấy hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục là thước đo cho chất lượng của đơn vị. Từ quan điểm này, nhà trường đã thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo hướng dẫn của Bộ GDĐT và của Sở GDĐT An Giang, tổ chức đầy đủ các hoạt động giáo dục trong nhà trường đảm bảo đáp ứng cho nhiều đối tượng HS khác nhau; đảm bảo hình thức và nội dung giáo dục phong phú thông qua giáo dục địa phương, thông qua các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhằm hình thành và phát triển kỹ năng sống cho HS. Nhờ đó, kết quả giáo dục toàn diện của đơn vị luôn được giữ vững.

**Tiê****u chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông**

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, năng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ cơ số GV ở các bộ môn cũng như tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học theo quy định của Bộ GDĐT về chương trình giáo dục cấp THPT, đảm bảo mục tiêu giáo dục [H1-1.4-04];

b) Nhà trường chỉ đạo các tổ chuyên môn cũng như GV các bộ môn thường xuyên đổi mới phương pháp, kỹ thuật dạy học, ứng dụng CNTT, tích cực sử dụng ĐDDH. Yêu cầu bài học phải phù hợp với đối tượng HS, có nhiều liên hệ có thể vận dụng vào thực tiễn, hướng dẫn HS cách tự học, tự nghiên cứu. [H1-1.8-02];

c) Nhà trường yêu cầu GV các bộ môn đổi mới công tác kiểm tra đánh giá, linh động trong các giờ học, các bài kiểm tra định kỳ được kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận, đảm báo tính vừa sức, phù hợp đối tượng. [H1-1.8-02];

Mức 2:

a) Hàng năm nhà trường giao cho các tổ, nhóm chuyên môn rà soát, chủ động xây dựng chương trình và tổ chức thực hiện đúng theo chương trình đã được phê duyệt. Việc đổi mới phương pháp, hình thức dạy học, phân loại đối tượng đã được thể hiện trong giáo án của GV được tổ trưởng chuyên môn ký duyệt trước khi lên lớp. Trong mỗi bài soạn GV thiết kế một số câu hỏi, bài tập nhằm phát triển tư duy sáng tạo, mở rộng kiến thức dành riêng cho từng đối tượng HS.[H1-1.4-07];

b) Vào đầu các năm học, nhà trường yêu cầu GV giảng dạy các bộ môn kết hợp với GVCN lớp kiểm tra, rà soát, lựa chọn ra những HS có năng khiếu ở các môn học văn hóa cũng như năng khiếu văn nghệ, thành lập đội tuyển để phân công GV bồi dưỡng. Chỉ đạo chuyên môn tổ chức dạy kèm, phụ đạo thêm cho HS gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện. [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02];

Mức 3:

Hàng năm, nhà trường thực hiện tốt việc rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của GV, HS.[H1-1.4-08]; [H1-1.2-07];

**2. Điểm mạnh**

Hầu hết các tổ chuyên môn đã chủ động xây dựng và thực hiện chương trình theo sự chỉ đạo của Hội đồng bộ môn, ban lãnh đạo nhà trường và các văn bản hướng dẫn của ngành giáo dục.

Việc thường xuyên đổi mới phương pháp dạy học và tích cực ứng dụng CNTT, sử dụng có hiệu quả ĐDDH, tổ chức các hình thức giáo dục đa dạng gắn với nội dung bài học được nhiều GV vận dụng linh hoạt thu hút HS tham gia tích cực nâng cao hiệu quả các tiết học.

Công tác phát hiện và bồi dưỡng HS có năng khiếu các môn học cũng như các lĩnh vực khác kịp thời nhằm để các em phát huy hết khả năng của mình. Việc kèm cặp, phụ đạo cho HS gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện được GVBM, GVCN các lớp và Đoàn thanh niên quan tâm tổ chức thực hiện trong suốt năm học.

**3. Điểm yếu**

Nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn còn nặng nề về công tác hành chính, đổi mới sinh hoạt tổ chuyên theo nghiên cứu bài học chưa được nhiều

Tổ chuyên môn hoạt động không đồng đều, một số tổ xây dựng kế hoạch thực hiện còn chung chung chưa bám sát tình hình thực tế của nhà trường; Kết quả HSG hàng năm cũng không đều giữa các tổ mặc dù sự đầu tư của nhà trường là như nhau. Công tác phụ đạo HS gặp khó khăn trong học tập chưa đem lại kết quả như mong muốn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tổ chuyên môn đẩy mạnh việc sinh hoạt tổ chuyên môn theo phương pháp nghiên cứu bài học, giáo dục STEM từ năm học 2019-2020 và các năm học sau.

Tổ chức học tập kinh nghiệm giữa các tổ bộ môn để cùng phát huy điểm mạnh và khắc phục các yếu kém.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3.

**Tiêu c****hí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện**

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Vào đầu năm học nhà trường ban hành kế hoạch hoạt động trong đó có kế hoạch giáo dục cho HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. [H1-1.1-05];

b) Nhà trường tổ chức thực hiện nhiều hoạt động để giáo dục HS có hoàn cảnh khó khăn như: nhận đỡ đầu HS khó khăn, hoạt động văn nghệ gây quỹ Khuyến học, khuyến tài, trao quà Tiếp bước đến trường. [H5-5.2-01];[H4-4.2-01]; [H5-5.2-02].

Đồng thời, nhà trường còn tổ chức các hoạt động bồi dưỡng HSG, nghiên cứu KHKT, sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng, khỏe Phù Đổng để phát huy năng khiếu cho HS. [H5-5.1-01]; [H5-5.2-03]; [H5-5.2-04].

Bên cạnh đó, nhà trường tích cực hỗ trợ HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện như phụ đạo HS yếu, thực hiện mô hình đôi bạn cùng tiến. [H5-5.1-02];[H1-1.3-03]; .

c) Hằng năm, Ban lãnh đạo có thực hiện rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, bên cạnh những thành tích đạt được cũng còn có những tồn tại, hạn chế nhất là vẫn còn HS chưa ngoan. [H1-1.2-07];

Mức 2:

Việc tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đã đáp ứng được mục tiêu giáo dục đề ra. [H5-5.2-05]; [H5-5.2-06]; [H5-5.2-07]; [H5-5.2-08]; [H5-5.2-09]; [H5-5.2-10];

Mức 3:

Hàng năm, nhà trường có HSG cấp tỉnh các môn văn hóa, thực hành thí nghiệm, máy tính cầm tay. [H1-1.4-09];

Có HS đạt giải nghiên cứu KHKT, sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng, Tin học trẻ cấp tỉnh. [H5-5.2-11];

Ngoài ra, trong lĩnh vực thể thao, nghệ thuật cũng có HS được thẩm quyền ghi nhận thành tích. [H5-5.2-12]; [H5-5.2-13].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục đáp ứng nhiều đối tượng HS khác nhau nhằm tạo điều kiện cho HS phát huy năng khiếu, hỗ trợ HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

HS tích cực tham gia các kỳ thi, hội thi, phong trào do ngành tổ chức và đạt thành tích cao trong nhiều năm liền.

**3. Điểm yếu**

Mỗi năm, nhà trường vẫn có một vài HS phải rèn luyện hè vì hạnh kiểm yếu.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Đầu các năm học, Ban lãnh đạo tiếp tục rà soát, phân công những GV có trách nhiệm, nhiệt tình công tác giao cho phụ trách giảng dạy, bồi dưỡng HS có năng khiếu, đầu tư kinh phí bồi dưỡng, khen thưởng để khích lệ GV và HS tham gia.

Giao các chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể cho GVCN, GVBM kết hợp với Đoàn thanh niên theo dõi, động viên giúp đỡ HS có hoàn cảnh khó khăn, HS gặp khó khăn trong học tập để tiếp tục có những hỗ trợ kịp thời.

GVCN phối hợp với Đoàn thanh niên thường xuyên theo dõi, bám sát phát hiện những thay đổi cả tích cực và tiêu cực của HS, liên lạc với CMHS để phối hợp giáo dục nhằm đem lại hiệu quả cao hơn.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3.

**Tiêu** **chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định**

Mức 1:

a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;

b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;

c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện đầy đủ nội dung giáo dục địa phương theo kế hoạch đề ra chủ yếu ở 2 bộ môn Lịch sử và Địa lý. [H5-5.3-01];[H5-5.3-02];[H5-5.3-03];[H5-5.3-04]

b) Thực hiện theo kế hoạch nhà trường, tổ chuyên môn chỉ đạo GV môn Lịch sử, Địa lý tiến hành đánh giá, kiểm tra nội dung giáo dục địa phương trong quá trình giảng dạy với hình thức phù hợp, đảm bảo khách quan và đạt hiệu quả giáo dục. [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02]

c) Hàng năm, nhà trường có thực hiện rà soát, cập nhật số liệu mới về nội dung Địa lý địa phương. Tuy nhiên, chưa có đề nghị điều chỉnh nào về nội dung. [H5-5.3-05]

Mức 2:

Trong quá trình giảng dạy các môn học Lịch sử và Địa lí địa phương, các thầy cô bộ môn có tổ chức các kế hoạch du khảo về nguồn để tìm hiểu về lịch sử, văn hóa, địa lí KT - XH tại các địa chỉ đỏ của An Giang như Di tích Óc Eo, Mỹ Hòa Hưng - quê hương Bác Tôn,.... nhằm bồi đắp thêm cho HS tình yêu quê hương, đất nước, con người An Giang, tự hào về truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm quê hương mình, đồng thời thực hiện mục tiêu giáo dục gắn lý luận với thực tiễn. [H5-5.3-06]

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có xây dựng kế hoạch, triển khai và tổ chức thực hiện nội dung giáo dục địa phương đúng theo quy định của Bộ GDĐT và các văn bản chỉ đạo của Sở GDĐT; Tổ chuyên môn có sự sáng tạo trong các hoạt động giảng dạy gắn lý luận với thực tiễn.

**3. Điểm yếu**

Tài liệu giảng dạy cho GV và tài liệu tham khảo cho HS về nội dung giáo dục địa phương còn nghèo nàn, hạn chế. Việc cập nhật số liệu nội dung giáo dục địa phương hàng năm còn chưa thường xuyên vì còn do số liệu thống kê của tỉnh hạn chế.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Công việc: thực hiện cập nhật, làm phong phú thêm tài liệu về giáo dục địa phương; tiếp tục đa dạng hóa hơn nữa hình thức giáo dục để gắn lí luận với thực tiễn.

Biện pháp và người thực hiện: hàng năm, Ban giám hiệu chỉ đạo tổ chuyên môn thực hiện nghiêm túc việc rà soát, đánh giá nội dung giáo dục địa phương 1 lần/năm (cuối năm học); rút kinh nghiệm và xây dựng kế hoạch, đề xuất điều chỉnh hình thức, nội dung giáo dục địa phương (nếu có) để đảm bảo đạt hiệu quả giáo dục cao hơn.

Tổ chuyên môn dựa trên góp ý của GV đề xuất mua bổ sung thêm tài liệu cần thiết, tài liệu mới về nội dung giáo dục địa phương, cập nhật trong giáo án và thư viện để HS có điều kiện đọc, tìm hiểu. Thời gian thực hiện vào đầu năm học.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

**Tiêu ch****í 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp**

Mức 1:

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường giao cho bộ phận ngoài giờ phối hợp Đoàn thanh niên xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho HS cả 3 khối lớp. [H5-5.4-01]; [H5-5.4-02];

b) Sau khi xây dựng kế hoạch thì tiến hành tổ chức các hoạt động như kế hoạch đã đề ra. [H5-5.4-03]; [H5-5.4-04];

c) Công tác tổ chức cho HS tham gia trải nghiệm, hướng nghiệp do Đoàn thanh niên tổ chức có huy động GVCN, GVBM các tổ bộ môn cùng tham gia tổ chức và quản lí HS. [H5-5.4-02]; [H5-5.4-04];

Mức 2:

a) Trong các năm học gần đây trường đã tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú, phù hợp HS và đạt kết quả thiết thực góp phần định hướng nghề nghiệp, giáo dục toàn diện, phát triển năng lực học sinh. [H2-2.2-06];

b) Sau mỗi buổi tổ chức trải nghiệm, hướng nghiệp Đoàn thanh niên kết hợp GVCN tổ chức rút kinh nghiệm, đánh giá những ưu điểm, những việc đạt được, những việc còn tồn tại, hạn chế về công tác tổ chức đoàn về quản lí HS, sức khỏe HS. [H5-5.4-05];

**2. Điểm mạnh**

Hàng năm, nhà trường đã xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường; GV và HS tích cực tham gia; Nhà trường quan tâm đổi mới nội dung, đa dạng hình thức trong cách tổ chức; Các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp góp phần giúp HS rèn luyện, nâng cao kỹ năng sống và định hướng nghề nghiệp phù hợp với năng lực.

**3. Điểm yếu**

Một số ít HS chưa quan tâm đến việc rèn luyện kỹ năng nên chưa tích cực tham gia hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Nhà trường chưa phối hợp được với các doanh nghiệp, khu công nghiệp trong tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Thời gian tới, xây dựng kế hoạch giáo dục học sinh có ý thức hơn trong việc tham gia hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; có kế hoạch phối hợp với các doanh nghiệp, khu công nghiệp để tư vấn cho học sinh.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

**Tiêu chí** **5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh**

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và tuyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường luôn quan tâm và chú trọng đến việc giáo dục về các kỹ năng sống cho HS thông qua lồng ghép trong các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; trong chương trình công tác Đoàn và phong trào thanh niên trường học; [H1-1.3-04]; [H1-1.8-03];

b) Thông qua các buổi tuyên truyền về pháp luật, dân số, môi trường,... HS được giáo dục ý thức chấp hành luật giao thông, phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, chống bạo lực học đường, biết cách bảo vệ sức khỏe sinh sản vị thành niên, cách phòng chống bệnh, nhất là những bệnh dễ lây nhiễm,... từ đó HS tích lũy được kỹ năng sống, vốn hiểu biết xã hội nhiều hơn và thực hành pháp luật tốt hơn. [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02]; [H5-5.5-03]; [H5-5.5-04]; [H5-5.5-05];

c) Nhà trường luôn chú trọng đến việc rèn luyện về đạo đức, lối sống của HS thông qua những tiết chào cờ, lồng ghép vào những tiết dạy về hình thành nhân cách, về lối sống, về truyền thống văn hóa dân tộc cho các em, từ đó giúp các em hoàn thiện hơn đạo đức, hiểu sâu hơn về truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam. [H5-5.5-06]; [H5-5.5-07];

Mức 2:

a) Trong các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; các hoạt động ngoại khóa; các giờ học, dưới sự hướng dẫn của GV, HS đã tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của bản thân mình, thấy được ưu điểm, hạn chế của mình cũng như tham gia đánh giá các HS khác. [H5-5.5-08]; [H5-5.5-09];

b) Thông qua các hoạt động giáo dục kĩ năng sống, nhiều HS đã biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn ở mức phát hiện được vấn đề, áp dụng kiến thức được học vào thực tiễn sinh hoạt hàng ngày ở gia đình, chăm sóc sức khỏe bản thân. Một số HS có khả năng vận dụng sáng tạo kiến thức vào thực tiễn tạo ra các sản phẩm phục vụ sản xuất, bảo vệ môi trường. [H5-5.5-10];

Mức 3:

Từ năm 2015 đến nay, nhà trường đã có 11 sản phẩm của 10 HS tham gia dự thi nghiên cứu KHKT, sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng theo sự hướng dẫn của 05 GVBM đạt giải cấp tỉnh, cấp quốc gia, quốc tế. Đặc biệt, trường hợp của em Trần Lê Duy đạt giải tư Quốc tế tại Ấn Độ (năm 2018). [H5-5.5-10]

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường luôn quan tâm và chú trọng giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho HS thông qua các hoạt động học tập, hoạt động tập thể và nghiên cứu khoa học.

HS ngoan, kỹ năng sống khá tốt, ý thức tự giác và chấp hành pháp luật tốt.

**3. Điểm yếu**

Điều kiện CSVC, kinh phí, chế độ hỗ trợ, khen thưởng cho HS và GV trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục kĩ năng sống còn hạn hẹp; tỉ lệ HS có khả năng vận dụng kiến thức vào nghiên cứu khoa học của còn hạn chế. Số lượng HS đạt giải trong các kì thi lớn chưa ổn định.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Hiệu trưởng tăng cường đầu tư nguồn tài chính cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, tổ chức các hoạt động trải nghiệm thực tế,ngoại khóa trong năm học tiếp theo để rèn kỹ năng sống cho học sinh. GV kịp thời phát hiện trong HS có năng khiếu, yêu thích nghiên cứu để định hướng, bồi dưỡng.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3.

**Tiêu ch****í 5.6: Kết quả giáo dục**

Mức 1:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường. [H5-5.6-01];

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường [H5-5.6-02];

c) Công tác phân luồng HS được nhà trường quan tâm, hằng năm HS khối 12 được tuyên truyền nhận thức, ý thức nghề nghiệp trước khi dự thi THPT quốc gia nên các em chủ động định hướng việc học tập sau khi tốt nghiệp. [H5-5.4-01]; [H5-5.4-02];

Mức 2:

a) Trong 05 năm trở lại đây, chất lượng nhà trường có chuyển biến tích cực trong đó tỷ lệ HS đạt loại khá, giỏi tăng, tỷ lệ HS xếp học lực loại yếu giảm; nề nếp và kỷ luật của HS đã được cải thiện rõ rệt so với trước, tỷ lệ HS đạt hạnh kiểm tốt cũng tăng. [H5-5.6-01]

b) Cùng với những kết quả đạt được về học lực, hạnh kiểm trong những năm gần đây thì tỷ lệ HS đỗ tốt nghiệp và HS lưu ban đều chuyển biến theo hướng tích cực tạo được niềm tin của nhân dân địa phương. [H5-5.6-02]; [H5-5.6-03]

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của HS năm học 2019 - 2020:

Học lực: Loại Giỏi 41,43% > 10% (đạt mức 3)

Loại Khá 42,6% > 25% (đạt mức 3)

Loại Yếu - Kém 0,82 % < 5% (đạt mức 3)

Hạnh kiểm: Loại Khá, Tốt 98,44% > 90% (đạt mức 3)

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban năm học 2019 – 2020

Học sinh bỏ học 0,69% <1%, nhưng thiếu hồ sơ minh chứng như bệnh án của HS, đi học nghề nhưng không xác nhận được.

Học sinh lưu ban 0,34% < 2% (đạt mức 3)

**2. Điểm mạnh**

Kết quả học lực, hạnh kiểm của HS đều đạt và vượt chỉ tiêu đề ra theo kế hoạch năm học của trường.

Hàng năm, tỉ lệ HS lên lớp đảm bảo chỉ tiêu đề ra; tỉ lệ tốt nghiệp THPT ngày càng cao và ổn định.

**3. Điểm yếu**

Vẫn còn số ít HS chưa chăm học, thiếu ý thức tự học, tự rèn. Một số CMHS chưa thực sự quan tâm đến việc học của con em, chưa tích cực phối hợp với nhà trường và GVCN để giáo dục con em tốt hơn.

Số lượng học sinh nghỉ học đi học nghề nhiều nhưng thiếu minh chứng (xác nhận trường Nghề)

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Ban lãnh đạo nhà trường tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; tích cực phối hợp với gia đình CMHS; đề ra các giải pháp từng bước khắc phục dứt điểm tình trạng HS lười học, học yếu.

Nhà trường tiếp tục tập trung các giải pháp duy trì sự ổn định tỷ lệ HS khá - giỏi, giảm tỷ lệ HS có học lực yếu kém; xây dựng phương án phân luồng HS theo năng lực, sở trường, môi trường tương tác và định hướng nghề nghiệp ngay từ lớp đầu cấp để giữ vững và phát huy điểm mạnh.

Nhà trường rút kinh nghiệm thực hiện đầy đủ các thủ tục khi học sinh nghỉ đi học nghề ở những năm tiếp theo.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2.

**Kết** **luận về Tiêu chuẩn 5:**

Trong những năm qua nhà trường đã thực hiện tốt các hoạt động giáo dục theo quy định của ngành và nhiệm vụ từng năm học. Thực hiện nghiêm túc chương trình và kế hoạch giáo dục của Bộ GDĐT và Sở GDĐT tỉnh An Giang. Không ngừng đổi mới phương pháp và ứng dụng CNTT trong dạy học, công tác bồi dưỡng HSG và phụ đạo HS yếu-kém được đẩy mạnh. Bên cạnh đó trường còn tổ chức, tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao với sự tham gia tích cực của HS, đặc biệt rất quan tâm và tạo điều kiện cho HS tham gia hoạt động nghiên cứu KHKT nhằm tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích giúp các em sáng tạo, tự tin thể hiện năng khiếu của bản thân, đạt mục tiêu giáo dục toàn diện.

Vẫn còn một số ít HS chưa chăm học, ý thức rèn luyện chưa cao. Kết quả HSG hàng năm chưa đồng đều giữa các tổ, công tác phụ đạo HS gặp nhiều khó khăn.

Tự đánh giá tiêu chí Mức 1:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 6/6 - Tỉ lệ: 100%

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/6 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 2:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 6/6 - Tỉ lệ: 100%

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/6 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 3:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 3/4 - Tỉ lệ: 75%

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 1/4 - Tỉ lệ: 25%

### **II. TỰ ĐÁNH** **GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4**

**Tiêu** **chí 1**:*Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Hàng năm nhà trường có xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế của địa phương và đơn vị. Tuy nhiên, trong kế hoạch giáo dục của nhà trường thì không có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới. [H1-1.1-05];

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có các kế hoạch giáo dục để triển khai ở nhiều lĩnh vực như chuyên môn, giáo dục ngoài giờ lên lớp, hướng nghiệp, trải nghiệm, sáng tạo,...

**3. Điểm yếu**

Tất cả các kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và trên thế giới.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Những năm tiếp theo, lãnh đạo nhà trường tiếp tục thực hiện theo hướng dẫn của ngành xây dựng các kế hoạch giáo dục sao cho vừa phát huy những điều kiện sẵn có tại trường đồng thời tham khảo những nội dung chương trình tiên tiến của các nước trong khu vực và trên thế giới để nhằm nâng chất lượng giáo dục của đơn vị.

**5. Tự đánh giá:**Không đạt

**Tiê****u chí 2**:*Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Hàng năm nhà trường có thống kê số lượng HS có hoàn cảnh khó khăn, diện chính sách; có tổ chức các hoạt động thi HSG cấp trường, văn nghệ, thể thao,....nhằm để biết được HS có năng khiếu chuyên môn về từng lĩnh vực. Tuy nhiên, nhà trường chưa xây dựng được các kế hoạch giáo dục cụ thể cho từng đối tượng HS, vì vậy chưa đảm bảo được cho 100% HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có quan tâm đến đối tượng HS có hoàn cảnh khó khăn để hỗ trợ chi phí học tập, cấp phát học bổng; xây dựng các hoạt động dạy học theo định hướng theo phát triển năng lực của HS, tổ chức các hoạt động văn hoá, thể thao để phát huy năng khiếu của HS.

**3. Điểm yếu**

Đối với từng đối tượng HS nhà trường chưa có kế hoạch giáo dục cụ thể, chưa có sự phối hợp tham gia giữa nhà trường với các tổ chức, cá nhân liên quan giúp cho HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong những năm tiếp theo, lãnh đạo nhà trường tiếp tục quan tâm, rà soát, thống kê cụ thể từng đối tượng HS, vừa hỗ trợ về mặt tinh thần, vừa động viên về mặt kinh tế để tạo động lực cho các em. Năm học 2020-2021, Sở GD&ĐT có tổ chức Hội khoẻ Phù Đổng các cấp, Hiệu trưởng chỉ đạo Tổ Thể dục xây dựng kế hoạch cụ thể, trong đó có nội dung phát hiện những HS có năng khiếu thì tiếp tục phối hợp với các tổ chức, cá nhân có chuyên môn cao hơn bồi dưỡng, tập huấn để các em hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân.

**5. Tự đánh giá:**Không đạt

**Tiêu chí 3:** *Nhà trường tại địa bàn vùng khó khăn có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Nhà trường các vùng còn lại có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn được cấp thẩm quyền ghi nhận.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Hàng năm, nhà trường có xây dựng kế hoạch tổ chức cuộc thi nghiên cứu KHKT cấp trường; kết quả mỗi năm trường đều có ít nhất 02 dự án dự thi và đạt giải cấp tỉnh, trong đó năm 2016 đạt được 02 giải quốc gia (01 giải khuyến khích và 01 giải nhì), năm 2017 đạt 01 giải ba quốc gia. Đặc biệt, năm 2016 em Trần Lê Duy đạt 01 giải tư quốc tế tại Ấn Độ. [H5-5.5-10];

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường luôn quan tâm và chú trọng giáo dục, rèn luyện HS theo định hướng phát triển năng lực thông qua các hoạt động học tập, hoạt động tập thể và nghiên cứu khoa học.

GV của trường có khả năng nghiên cứu và định hướng cho HS xây dựng các dự án, hướng dẫn các em thực hiện

**3. Điểm yếu**

Phong trào chưa đủ sức lan toả thể hiện qua số lượng HS tham gia chưa nhiều, các bộ môn xã hội cũng chưa có dự án nổi bật.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường tiếp tục quan tâm và chú trọng công tác nghiên cứu khoa học trong HS; tăng cường tập huấn, bồi dưỡng cho GV tìm nhiều biện pháp, khuyến khích HS tích cực tham gia.

**5. Tự đánh giá:**Đạt

**Ti****êu chí 4:** *Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện có kết nối Internet băng thông rộng, có mạng không dây, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Trường có thư viện đạt chuẩn. Thư viện có kết nối Internet đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường. Thư viện được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường. [H3-3.6-01];

Tuy nhiên, Thư viện chưa có hệ thống hạ tầng CNTT hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế.

**2. Điểm mạnh**

Thư viện đạt chuẩn, thư viện hoạt động đáp ứng yêu cầu dạy, học và nghiên cứu cho GV và HS.

**3. Điểm yếu**

Thư viện chưa đạt tiêu chuẩn của thư viện tiên tiến.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường từng bước xây dựng thư viện đạt tiên tiến, thư viện điện tử.

**5. Tự đánh giá:**Không đạt

**Tiêu chí** **5:** *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Từ năm học 2015-2016 đến nay, nhà trường đã hoàn thành được một số mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển như nâng cao chất lượng giáo dục, hạn chế HS bỏ học, tỉ lệ HS đỗ đại học ngày càng cao,…[H1-1.1-03]; [H1-1.1-04].

Tuy nhiên, những mục tiêu liên qua đến CSVC, trang thiết bị, ... thực hiện chưa theo kế hoạch.

**2. Điểm mạnh**

Làm tốt các mục tiêu mang tính chất chủ quan như duy trì và nâng cao chất lượng đội ngũ, chất lượng giáo dục, ứng dụng CNTT và huy động các nguồn lực.

**3. Điểm yếu**

Các mục tiêu có yếu tố khách quan xây dựng CSVC, bổ sung các trang, thiết bị làm chưa theo kế hoạch đề ra vì còn phụ thuộc vào sự đầu tư của ngành và của UBND tỉnh.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong những năm tiếp theo, lãnh đạo nhà trường chủ động tham mưu với lãnh đạo các cấp đầu tư xây dựng nhà trường đạt chuẩn quốc gia theo đề án của huyện Châu Thành, phấn đấu năm 2023 đạt chuẩn "Huyện nông thôn mới".

**5. Tự đánh giá:**Không đạt

**Tiêu ch****í 6:** *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và công đồng ghi nhận.*

**1. Mô tả hiện trạng**

So với các trường có điều kiện KT - XH tương đồng, trường THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm có kết quả giáo dục và các hoạt động khác vượt trội được các cấp thẩm quyền ghi nhận. Cụ thể:

- Năm học 2015 - 2016: nhà trường được Chủ tịch UBND tỉnh An Giang tặng danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" theo quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2016 do Chủ tịch UBND tỉnh Vương Bình Thạnh ký.

- Năm học 2016 - 2017, nhà trường được Bộ trưởng Bộ GDĐT tặng Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong quá trình xây dựng và phát triển giai đoạn 1996 - 2016, theo quyết định số 5187/QĐ-BGDĐT ngày 04 tháng 11 năm 2016 do Bộ trưởng Phùng Xuân Nhạ ký.

- Năm học 2016 - 2017: nhà trường vinh dự nhận Cờ thi đua đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua năm học 2016 - 2017 do Chủ tịch UBND tỉnh An Giang ký ngày 23 tháng 8 năm 2017 theo quyết định số 26/QĐ-UBND. [H1-1.8-07];

**2. Điểm mạnh**

Tập thể sư phạm nhà trường có sự đoàn kết, quyết tâm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ qua từng năm học, lãnh đạo nhà trường tạo điều kiện để từng cá nhân phát huy và lập thành tích chung cho trường.

**3. Điểm yếu**

Thành tích của nhà trường thiếu sự liên tục trong 02 năm gần đây vì một số cá nhân thực hiện chưa tốt nhiệm vụ được giao nên ảnh hưởng đến thành tích chung.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Lãnh đạo nhà trường xây dựng và cải tiến cách đánh giá công chức, viên chức, xét thi đua cuối năm học phù hợp với hướng dẫn của cấp trên và tình hình tại đơn vị.

**5. Tự đánh giá:**Đạt

**K****ết luận:** Không đạt

# **Phầ****n III**

# **KẾT LUẬN CHUNG**

Tự đánh giá tiêu chí Mức 1:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 28/28 - Tỉ lệ: 100%

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/28 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 2:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 28/28 - Tỉ lệ: 100%

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/28 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 3:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 10/20 - Tỉ lệ: 50%

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 10/20 - Tỉ lệ: 50%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 4:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 2/6 - Tỉ lệ: 33,33%

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 4/6 - Tỉ lệ: 66,67%

Mức đánh giá mà cơ sở giáo dục đạt được căn cứ theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT là: Mức 2

Cơ sở giáo dục đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2

Cơ sở giáo dục đề nghị đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 .

*Châu Thành, ngày 02 tháng 01 năm 2021*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **HIỆU TRƯỞNG**  **Ngô Thị Kiều Huệ** |

1. [↑](#footnote-ref-1)